

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Số: **606** TB/VNECO-CBTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**
- Mã chứng khoán: **VNE**
- Địa chỉ: **344 Phan Châu Trinh, phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng**
- Điện thoại liên hệ: **0236.3562361** Fax: **0236.3562367**
- E-mail: **info@vneco.com.vn**

2. Nội dung thông tin công bố:
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO) công bố: Tài liệu đề trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 13/11/2025, tại website <http://www.vneco.com.vn> theo link <https://vneco.vn/thong-bao-moi-hop-dai-hoi-dong-co-dong-nam-2025-va-tai-lieu-dai-hoi/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố: Dự thảo BC HĐQT, Ban KS, Tờ trình của HĐQT, Ban KS về các nội dung báo cáo ĐHĐCĐ xem xét thông qua.



Trần Văn Huy

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

**DANH MỤC TÀI LIỆU
HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

STT	TÊN TÀI LIỆU	TRANG
1	Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	
2	Dự thảo: Báo cáo kết quả SXKD năm 2023-2024, Kế hoạch kinh doanh năm 2025 và định hướng các năm sau:	
2.1	<i>Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023-2024</i>	
2.2	<i>Kế hoạch kinh doanh năm 2025 Và định hướng hoạt động các năm sau</i>	
2.3	<i>Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 - 2024, Kế hoạch hoạt động 2025 và định hướng các năm sau.</i>	
3	Dự thảo: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 - 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025	
4	Tờ trình Báo cáo các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2023-2024	
5	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2023 - 2024	
6	Tờ trình V/v đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	
7	Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ	
8	Tờ trình số lượng thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2025-2030	
9	Thông báo đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, nhiệm 2025-2030	
10	Tờ trình về mức thù lao của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát	
11	Dự thảo: Nghị quyết của ĐHĐCĐ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

1. Thời gian: 8h30' ngày 08/12/2025 (thứ Hai)
2. Địa điểm: Hội trường tầng 5 - Khách sạn MAXIMILAN BEACH HOTEL, số 222
đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ;	8h30 -8h50
2	Báo cáo số cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp ĐHĐCĐ	8h50-8h55
3	Cử thư ký cuộc họp; Bầu ban kiểm phiếu biểu quyết; Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2025;	8h55 - 9h05
4	Báo cáo và trình bày về các nội dung: - Báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo hoạt động của của HĐQT năm 2023-2024, Kế hoạch SXKD năm 2025, định hướng hoạt động kinh doanh - đầu tư năm 2026 và các năm sau; - Báo cáo tài chính năm 2023-2024 đã được kiểm toán; - Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023-2024; - Tờ trình sửa đổi Điều lệ; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023- 2024; - Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2025; - Tờ trình số lượng thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2025-2030; - Tờ trình thù lao HĐQT, Ban KS năm 2025; - Một số nội dung khác (nếu có).	9h05 - 10h10
5	ĐHĐCĐ thảo luận các báo cáo và nội dung các tờ trình	10h10-10h50
6	Bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030	10h50-11h25
7	Biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo và các Tờ trình	11h25 - 11h40
8	Nghỉ giải lao	11h40 - 11h50
9	Báo cáo kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030	11h50 - 12h00
10	Công bố kết quả biểu quyết	12h00 - 12h10
11	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;	12h10 - 12h20
12	Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025	12h20

(Dự Thảo)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 - 2024
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Triển khai Kế hoạch kinh doanh năm 2023 - 2024, VNECO bám sát mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra tại kỳ họp thường niên các năm 2021, 2022, 2023 về các lĩnh vực cốt lõi: Hoạt động Xây lắp điện; Tập trung hoàn thiện hồ sơ để đưa 03 tuabine còn lại của Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong vận hành thương mại và chuẩn bị thủ tục về hoạt động kinh doanh bất động sản. Thực tế quá trình tổ chức thực hiện, VNECO đối mặt với những khó khăn rất lớn, thách thức phát sinh về chính sách, thủ tục pháp lý đầu tư, tài chính, thị trường bất động sản suy thoái... và các khó khăn lớn từ nội tại của doanh nghiệp chưa được giải quyết triệt để. Các yếu tố trên đây tác động ảnh hưởng gián tiếp, trực tiếp đến hoạt động kinh doanh đã làm cho kết quả kinh doanh năm 2023 - 2024 của VNECO không đạt yêu cầu về chỉ tiêu kế hoạch, cũng như sự kỳ vọng của Quý cổ đông.

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 - 2024

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Kết quả % (TH/KH)
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.917.150	683.505	35,65%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	15.460	7.084	45,82%
3	Tỷ lệ cổ tức	%			

Trong đó: Tổng doanh thu bán hàng là 658,71 tỷ đồng, doanh thu tài chính và thu nhập khác là 24,79 tỷ đồng.

2. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kết quả % (TH/KH)
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	448.935	452,76	35,65%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ		(241,07)	
3	Tỷ lệ cổ tức	%			

Trong đó: Tổng doanh thu bán hàng là 448.935 tỷ đồng, doanh thu tài chính và thu nhập khác là 25,922 tỷ đồng.

*** Tóm tắt một số nguyên nhân chủ yếu tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh năm 2023 - 2024:**

- Những vướng mắc về các chính sách, quy định của các văn bản luật liên quan đến đầu tư Bất động sản, năng lượng tái tạo, quá trình thanh kiểm tra, công tác phòng chống tham nhũng quy mô lớn đã làm trì trệ việc thực hiện các thủ tục pháp lý đầu tư... VNECO đã chưa giải quyết được các hồ sơ theo quy định đề COD 03 trụ điện gió Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong là một trong những yếu tố dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn hoạt động kinh doanh;

- Hoạt động kinh doanh bất động sản chịu nhiều tác động tiêu cực dẫn đến việc triển khai các thủ tục đầu tư dự án Mỹ Thượng và một số dự án khác chiếm tỷ trọng vốn lớn nhưng triển khai rất chậm chạp chưa đem lại kết quả như đã đề ra;

- Những khó khăn, vướng mắc của ngành Điện về triển khai Quy hoạch điện VIII, khó khăn về nguồn vốn chủ đầu tư; khó khăn về đơn giá định mức ngành bị lạc hậu, tất cả đã ảnh hưởng lớn đến kế hoạch đầu tư, xây lắp, sản xuất kinh doanh của VNECO chịu ảnh hưởng rất lớn;

- Nhiều dự án, công trình thi công có giá trị lớn đã ký với chủ đầu tư vào năm 2021 đến năm 2023 phải dừng thi công, như: công trình ĐZ 220kV đầu nối dự án Điện gió Cà Mau 1 vào lưới điện Quốc gia; công trình TBA GIS 220kV dự án Điện gió Cà Mau 1; công trình ĐZ 110kV và ngăn phân phối 110kV của nhà máy bột giấy VNT19; ĐZ 220KV Nghĩa Lộ - Việt Trì và mở rộng 2 ngăn lộ tại TBA 500KV Việt Trì, ĐZ 220kV Krông Búk - Nha Trang mạch 2, Đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành Tất cả là do thiếu hụt nguồn vốn lưu động để tổ chức thi công các công trình... từ đó làm giảm giá trị lớn về doanh thu các năm 2023 - 2024;

- Một số đơn vị thành viên, trực thuộc VNECO nguồn lực hạn chế, về công tác điều hành, tổ chức thi công, chưa ứng phó kịp với những khó khăn, mức độ cạnh tranh phát sinh lớn trong quá trình thi công trên trường, kết quả kinh doanh năm 2023-2024 thấp.

II. Đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh

1. Về công tác quản lý, quản trị, điều hành

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc luôn tuân thủ nguyên tắc, quy định quản trị, quy định Điều lệ VNECO, quy định pháp luật trong quản lý, điều hành, đoàn kết thống nhất cao trong khâu tổ chức thực hiện, tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo, linh hoạt, thích ứng kịp thời trước những khó khăn, đặc biệt là những khó khăn rất lớn về tài chính và một số vấn đề liên quan tác động đến hoạt động kinh doanh của VNECO năm 2023-2024;

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2023 - 2024 và mục tiêu Chiến lược phát triển VNECO giai đoạn 2021 - 2025, Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng Giám đốc kiên định, nhất quán định hướng phát triển, vai trò quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đã vượt qua vô vàn khó khăn, thách thức trong năm 2023 -2024, tiếp tục thực hiện các bước tái cấu trúc hoạt động VNECO, với mục tiêu giữ vững sự ổn định, khẳng định năng lực của VNECO với đối tác, khách hàng và thị trường. Giai đoạn 2021- 2024, nổi bật là VNECO đã đầu tư Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong, với 8 turbine công suất 30,4MW, có 05 tuabine đã vận hành thương mại; tiếp tục phát triển Dự án Khu đô

thời mới Mỹ Thuận - Thành phố Huế và triển khai một số dự án khác theo định hướng phát triển giai đoạn 2020- 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Ban Tổng Giám đốc có đủ năng lực, năng động, sáng tạo, tận tâm và luôn chủ động phối hợp và thống nhất trong điều hành hoạt động của VNECO. Đội ngũ cán bộ chủ chốt đã nỗ lực cố gắng, sáng tạo và thực hiện các giải pháp ứng phó với các khó khăn cũng như giải quyết các vấn đề phát sinh không tích cực của thị trường, kế thừa và phát huy truyền thống Xây lắp, nguồn lực VNECO, bám sát để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh và đầu tư trong điều kiện rất khó khăn của năm 2023, năm 2024 và 9 tháng của 2025.

2. Công tác tài chính kế toán

Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn, trung hạn trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư; Tiếp cận thị trường đối tác để lựa chọn và thu xếp thành công một số nguồn vốn với chi phí hợp lý, tối ưu chi phí tài chính; Hỗ trợ các đơn vị thành viên huy động nguồn vốn từ ngân hàng, hạn mức tín dụng tạo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, do nguồn vốn chủ sở hữu của VNECO hạn hẹp. Vốn chủ sở hữu đã thực hiện đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư một số dự án bất động sản chưa khai thác, đầu tư vào tài sản và các khoản nợ phải thu kéo dài làm thâm hụt nguồn vốn lưu động và nhu cầu nguồn vốn ngắn hạn, trung, dài hạn tăng lên từ các năm trước; Đầu tư các dự án thiết bị công nghệ xây lắp điện và dự án thiết bị xây lắp năng lượng tái tạo, đầu tư dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong... do vậy, VNECO đang sử dụng nguồn vốn ngắn hạn tạm thời để đầu tư cho dài hạn, áp lực trả nợ các khoản nợ gốc đến hạn, lãi vay trong năm 2023, năm 2024 và năm 2025 cho các ngân hàng, cũng như áp lực nợ đến hạn thanh toán cho các nhà thầu, nhà cung cấp là rất lớn. Từ đó, hoạt động kinh doanh của VNECO năm 2023 và năm 2024 thường xuyên đối mặt với khó khăn do thiếu hụt nguồn vốn lưu động để giải ngân thanh toán cho các công trình xây lắp điện đang thi công. Áp lực nợ đến hạn thanh toán cho các nhà thầu, nhà cung cấp và trả nợ gốc, lãi vay ngân hàng là rất lớn.

Từ năm 2023 nguồn thu liên tục giảm, giá vốn công trình tăng cao, ngân hàng tăng tỷ lệ tài sản đảm bảo và tăng điều kiện cho vay thay vì giải ngân theo phương án thi công, thành giải ngân khi hoàn thành khối lượng dẫn tới vòng quay vốn lưu động kéo dài, trầm trọng hơn khi các ngân hàng đồng loạt thu ròng nguồn tiền giảm dư nợ vay trong khi nhu cầu vốn lại cao và kéo dài hơn, làm hạn chế khả năng tiếp cận và triển khai dự án mới. Trong khi đó: không thực hiện được phương án tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 và cũng chưa bán được cổ phiếu quỹ theo phương án đã được HĐQT phê duyệt, là một trong những lý do dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn kinh doanh.

Tình hình thanh toán vốn của các Chủ đầu tư rất chậm, rủi ro có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp; đồng thời các chủ đầu tư cũng bị ảnh hưởng bởi chính sách thắt chặt tiền tệ, nên việc giải ngân vốn cho nhà thầu qua hệ thống ngân hàng thương mại cũng gặp nhiều khó khăn. Vì vậy việc thu hồi công nợ trong năm 2023-2024 cũng gặp không ít khó khăn, giá trị nợ phải thu tồn đọng các năm còn rất lớn.

- **Năm 2023:** Giá trị nợ phải thu tồn đọng cuối năm chiếm 57,35% tổng nợ phải thu ngắn hạn và 36,73% tổng tài sản. Tổng giá trị phải thu ngắn hạn khách hàng tại 31/12/2023 là 561,60 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng xây lắp là 176,129 tỷ đồng,

phải thu ngắn hạn khách hàng trong lĩnh vực hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ là 385,47 tỷ đồng. Nguồn vốn vay tín dụng ngân hàng: Tổng nợ vay ngắn hạn và dài hạn đến cuối năm 2023 là 918,84 tỷ đồng, chi phí lãi vay phát sinh trong năm là 65,17 tỷ đồng. Năm 2023, tỷ lệ nợ vay tăng đột biến (chiếm 34,47% tổng tài sản và 101,60% vốn điều lệ), trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2023 đạt 834,65 tỷ đồng, tương đương mức 31,31% tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 84,18 tỷ đồng, tương đương 3,15% tổng tài sản. Chi phí lãi vay năm 2023, tăng 31,13% so với cùng kỳ năm 2022 tương đương tăng 15,47 tỷ đồng;

- **Năm 2024:** Giá trị nợ phải thu tồn đọng cuối năm chiếm 56,82% tổng nợ phải thu ngắn hạn và 22,83% tổng tài sản. Tổng giá trị phải thu ngắn hạn khách hàng tại 31/12/2024 là 516,06 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng xây lắp là 185,498 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn khách hàng trong lĩnh vực hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ là 330,568 tỷ đồng; Nguồn vốn vay tín dụng ngân hàng: Tổng nợ vay ngắn hạn và dài hạn đến cuối năm 2024 là 801,79 tỷ đồng, chi phí lãi vay phát sinh trong năm là 104,01 tỷ đồng. Năm 2024, tỷ lệ nợ vay chiếm 35,47% tổng tài sản và 88,66% vốn điều lệ, trong đó số dư vay ngân hàng và thu xếp vốn các tổ chức, cá nhân ngắn hạn năm 2024 đạt 742,07 tỷ đồng, tương đương mức 32,83% tổng tài sản, số dư vay nợ dài hạn thu xếp vốn từ các tổ chức, cá nhân đạt 59,72 tỷ đồng, tương đương 2,64% tổng tài sản. Chi phí lãi vay năm 2024, tăng 59,60% so với cùng kỳ năm 2023 tương đương tăng 38,84 tỷ đồng mặc dù Tổng Công ty đã trả một phần gốc, nhưng lãi vay vẫn tăng do toàn bộ các khoản nợ của Tổng Công ty bị nhảy nhóm nợ quá hạn nên phát sinh thêm lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và lãi phạt là 10% lãi chậm trả; Tổng Công ty không được hưởng lãi suất ưu đãi do mất khả năng trả nợ đúng hạn, các khoản vay bị cơ cấu lại với lãi suất cao hơn và phạt chậm nộp lãi; đồng thời khoản thu xếp vay vốn USD chậm trả kéo dài, chịu lãi suất vay lớn, lãi quá hạn lớn và ảnh hưởng thêm từ tỷ giá USD tăng dẫn đến chi phí lãi vay lớn. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho hoạt động kinh doanh của VNECO trong năm 2024 lỗ.

- Đầu tư tài chính dài hạn vào các doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2024 là: 562,204 tỷ đồng. Trong đó: Vốn đầu tư tại Công ty con (các công ty cổ phần và Cty TNHH một thành viên) là 524,037 tỷ đồng và công ty liên kết là 7,343 tỷ đồng; Đầu tư khác (góp dưới 20% vốn điều lệ công ty): 30,823 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2024 đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn lũy kế là 31,625 tỷ đồng.

- Công tác kế toán: Kiểm soát chứng từ kế toán, tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chuẩn mực theo quy định của Pháp luật hiện hành và quy định của VNECO; Thực hiện công tác báo cáo Tài chính định kỳ chuẩn xác, kịp thời đồng thời phối hợp với đơn vị Kiểm toán để kiểm toán BCTC Tổng Công ty; Thực hiện công tác kê khai quyết toán thuế theo quy định về pháp luật thuế hiện hành; Hỗ trợ một số hoạt động, nhiệm vụ kế toán tại các đơn vị thành viên.

4. Hoạt động Xây lắp điện

- Năm 2023 - 2024, Tổng Công ty đã thi công hoàn thành đóng điện các công trình đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư như: ĐZ 220KV Nậm Mô- Tương Dương, ĐZ 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam (4/2023), ĐZ 110kV 220kV phía Tây Hà Tĩnh (12/2023); ĐZ 20kV Hải Dương - Phố Nối, Mở rộng TBA 220kV Phước Thái, ĐZ 110kV Bảo Ninh, ĐZ 500kV Vân Phong - NM Điện Vĩnh Tân, ĐZ 220kV Bến Lức...

Tuy nhiên, doanh thu xây lắp năm 2023: Đạt 271 tỷ/1.563 tỷ đồng, đạt 17,3% kế hoạch. Năm 2024: 294,88 tỷ đồng. Nguyên nhân cơ bản là Chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, vướng đền bù, phụ thuộc thời gian cắt điện, điều kiện thời tiết, thiếu vốn,

nhiều công trình có khối lượng lớn nằm trong kế hoạch doanh thu năm 2023 - 2024 và nguyên nhân chủ yếu là VNECO không thu xếp được vốn để triển khai nên không thể thi công. Nhiều công trình kéo dài, chi phí tăng cao và năng lực nhân sự bị xáo trộn, dẫn đến việc Tổng công ty phải thực hiện thi công với biên lợi nhuận thấp, thậm chí lỗ, nhằm đảm bảo hoàn thành đúng cam kết, tránh bị phạt hợp đồng và bảo lãnh, đồng thời duy trì uy tín trong các dự án quy mô lớn. Đối với một số gói thầu gặp khó khăn về tiến độ và nguồn lực, Tổng công ty đã chủ động bàn giao phần khối lượng thi công còn lại cho các đơn vị đủ năng lực tiếp tục thực hiện, nhằm đảm bảo tiến độ chung và hạn chế phát sinh rủi ro cho VNECO. Cụ thể: Đz 220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì - Gói 10, Trạm biến áp 500kV Thốt Nốt - Gói 5, Trạm biến áp 500kV Thốt Nốt - Gói 6, Đz 500kV Ô Môn - Thốt Nốt - Gói 9, TBA 500kV Đức Hòa và các Đz đầu nối - Gói W15 (XL TBA), Đz 220kV đầu nối TBA 500kV Long Thành - Gói 17, Đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành - Lô 5.3.

Nhìn chung, các công trình Xây lắp điện đang thi công, tất cả được chuyển tiếp từ năm các năm trước và năm 2022 chuyển sang. Hầu hết các công trình do vướng mắc đền bù, kéo dài thời gian thi công, vướng mắc không thể tháo gỡ là giá cả đầu vào biến động tăng so với thời điểm đấu thầu v.v, nên hiệu quả không cao, có những công trình bị lỗ. Trong những năm qua, do Tổng công ty khó khăn về tài chính, nhiều ngân hàng thắt chặt tín dụng nên nguồn vốn cho lĩnh vực xây lắp nhiều lúc bị ngắt quãng, dẫn tới tiến độ một số công trình bị chậm so với yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Tồn tại vướng mắc, phức tạp, kéo dài đối với hoạt động xây lắp, nổi cộm là: Hợp đồng kinh tế số 279/HĐKT/2021/HT9HN-VNE ngày 03/6/2021 về việc xây lắp và cung cấp vật tư, thiết bị đường dây 220kV đầu nối và dịch vụ kỹ thuật kèm theo cho cụm Dự án điện gió Cà Mau 1 đầu nối vào lưới điện Quốc gia và Hợp đồng kinh tế số: 425/2021/HĐKT/HT9HN-VNE ngày 19/07/2021 về việc “Cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ, thi công xây dựng, chiếu sáng, lắp đặt hệ thống, ép cọc cho TBA 220kV và ngăn lộ mở rộng TBA 220kV” thuộc dự án: “Cụm nhà máy điện gió Cà mau 1” đã ký với Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở Hạ tầng Số 9 HN (nay là Công ty Cổ phần INVESTCONS). Các hợp đồng này đã đưa vào kế hoạch năm 2022 với giá trị 770 tỷ đồng, nhưng doanh thu trong năm thực hiện đạt rất thấp hơn 50 tỷ đồng.

Ngày 11/4/2023, Công ty Cổ phần INVESTCONS đã có văn bản số 427/IVC-TCKT về việc chấm dứt hợp đồng và Công ty Cổ phần INVESTCONS gửi văn bản yêu cầu Ngân hàng BIDV Hải Vân tịch thu các bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng. Ngày 10/8/2023, Chủ tịch HĐQT Công ty INVESTCONS làm đơn tố giác lãnh đạo VNECO có dấu hiệu phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 đối với số tiền đã tạm ứng, thanh toán cung cấp vật tư, khối lượng thi công theo hợp đồng là 381 tỷ đồng.

Chủ tịch HĐQT, Ban điều hành phải tập trung làm việc, tập hợp hồ sơ, chứng từ, phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau do ký kết hợp đồng, tổ chức thi công, mua vật tư, thiết bị và cột điện thép cho toàn bộ công trình đường dây 220kV và Trạm biến áp trước đây được thực hiện trong thời gian điều hành của Tổng Giám đốc (cũ). Sau khi điều tra, xác minh ngày 29/02/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau đã thông báo số 920/TB-CSKT kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm và Quyết định không khởi tố vụ án.

Trong quá trình Cơ quan CSĐT Cà Mau xác minh, VNECO đã yêu cầu Công ty INVESTCONS nhận, đối chiếu giảm trừ công nợ, giảm tạm ứng, thanh toán đối với vật tư, cột điện thép đường dây 220kV. Toàn bộ thiết bị, cột điện thép của đường dây, INVESTCONS đã nhận và thanh toán, nay vẫn còn nợ VNECO 23,5 tỷ đồng;

Doanh thu các năm qua đã ghi nhận 02 hợp đồng là: 262,8 tỷ đồng. Đang tồn tại về giá trị hoàn thành, dở dang chưa ký phiếu giá 02 hợp đồng khoảng 170 tỷ đồng.

Đối với Hợp đồng mua bán số 1638/2021/HĐMB/VNE-THIPHA ngày 13/09/2021 về cung cấp dây dẫn cho công trình ĐZ 220kV đấu nối cụm Dự án điện gió Cà Mau 1 vào lưới điện quốc gia, Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát đã có đơn khởi kiện và ngày 17 tháng 05 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 44/2024/TLST-KDTM về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo đơn khởi kiện của Công ty Cấp điện Thịnh Phát, với yêu cầu: Tuyên buộc VNECO bồi thường cho Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát số tiền thiệt hại: 71.029.857.462 đồng.

Ban điều hành phải tập trung, tập hợp hồ sơ chứng từ, thương thảo với các bên liên quan để đi đến các bên liên quan thống nhất chấp nhận bù trừ công nợ giữa các bên, thanh lý hợp đồng số 1638/2021/HĐMB/VNE-THIPHA giữa VNECO với của Công ty Cấp điện Thịnh Phát và VNECO không còn nợ Công ty Thịnh Phát; còn phía Công ty INVESTCONS nhận lại dây dẫn cho công trình ĐZ 220kV, từ đó không để xảy ra rủi ro thiệt hại cho VNECO.

- Công tác quản lý chất lượng, tiến độ: Kiểm soát tốt chất lượng thi công bằng các giải pháp khoa học do vậy chất lượng các công trình luôn được nâng cao, Chủ đầu tư hài lòng; Về tiến độ, tổ chức lực lượng thi công cơ bản đáp ứng tiến độ đóng điện một số công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng hoàn thành đã được đôn đốc, triển khai thường xuyên nhưng vẫn chưa đảm bảo tiến độ thanh toán vì qua nhiều khâu mất nhiều thời gian.

Tóm lại, Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng đã hết sức nỗ lực, từng bước tháo gỡ vướng mắc, khó khăn về tranh chấp hợp đồng, thu xếp nguồn vốn để đáp ứng cơ bản cho từng công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, đánh giá chung thì lĩnh vực xây lắp trong thời gian gần đây đã chững lại so với những năm trước đây, mà nguyên nhân cơ bản là thiếu nguồn vốn trầm trọng cho lĩnh vực xây lắp. Hoạt động xây lắp hoàn toàn phụ thuộc vào vốn vay, mà vốn vay thì không đáp ứng đủ, không kịp thời cho các Đơn vị thi công trực tiếp trên các công trình và khi VNECO xảy ra nợ quá hạn, nhảy nhóm nợ thì ngân hàng không thu xếp giải ngân dẫn đến sự đình trệ trên các công trình.

5. Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư của VNECO trong các năm qua đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, năm 2023 - 2024 đã triển khai:

a/ Dự án năng lượng tái tạo:

- Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong (Bình Thuận), 8 turbine, công suất 30.4MW: Tiếp tục lập hồ sơ thực hiện COD 03 turbine còn lại đã hoàn thành lắp dựng năm 2021 (tại ngày 31/10/2021 đã đưa vào vận hành 05/8 turbine, công suất 19,4MW hưởng giá Fit tại thời điểm 31/10/2021);

- Năm 2023, đã hoàn thành giai đoạn đầu về tái cấu trúc tài chính cho Dự án chuyển khoản vay từ HDBank sang DATC tài trợ vốn giảm thiểu được rủi ro nợ xấu, cơ cấu nguồn vốn và đảm bảo dòng tiền hoạt động Nhà máy và công tác triển khai COD 03 trụ còn lại nhằm sử dụng tối ưu nguồn vốn đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của VNECO và TNP1;

- Năm 2024 - 2025 đã thực hiện về quy trình, hồ sơ để COD 03 turbine như sau:

+ Ngày 31/7/2024, UBND huyện Bắc Bình ban hành Quyết định số 3393/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong tại xã Hoà Thắng, huyện Bắc, tỉnh Bình Thuận;

+ Ngày 18/9/2024, UBND huyện Bắc Bình ban hành Quyết định số 3782/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong tại xã Hoà Thắng, huyện Bắc, tỉnh Bình Thuận;

+ Ngày 04/10/2024, UBND huyện Bắc Bình ban hành Công văn số 2912/QĐ-UBND về việc xác nhận việc hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong tại xã Hoà Thắng, huyện Bắc, tỉnh Bình Thuận;

+ Đến đầu năm 2025 đã hoàn thành hồ sơ thuê đất và các cơ quan có liên quan trình UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê phần đất còn lại thực hiện dự án;

+ Tháng 10/2025, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) ban hành văn bản về việc thỏa thuận áp dụng các thử nghiệm kỹ thuật NMĐG Thuận Nhiên Phong trong thời gian chờ xây dựng Yêu cầu kỹ thuật chi tiết về thử nghiệm và giám sát thử nghiệm theo Thông tư số 46/2025/TT-BCT để áp dụng cho các nhà máy điện đấu nối vào lưới điện phân phối.

+ Ngày 13/11/2025, Công ty mua bán điện của EVN đã có văn bản thống nhất về chương trình chạy thử nghiệm 03 tuabine còn lại, với công suất thử nghiệm 11,4MW.

- Dự án điện gió Lệ Thủy 3 (tỉnh Quảng Bình): công suất dự kiến 100MW, đang triển khai một số thủ tục ban đầu như: thực hiện công tác đo gió và một số thủ tục đầu tư liên quan... Đến nay, đã hoàn thành việc bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2021 -2030 tầm nhìn đến 2050, với công suất nhà máy 50MW- Giai đoạn 3.

b/ Dự án đầu tư Bất động sản:

Năm 2023-2024 hoạt động kinh doanh Bất động sản tiếp tục đã suy thoái, vướng mắc về chính sách liên quan chưa được giải quyết. VNECO đã thực hiện một số công việc sau:

- Dự án 66 Hoàng Văn Thái, TP Đà Nẵng:

Đến quý 01/2024, VNECO đã hoàn thành việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh thành Đất thương mại, dịch vụ để từ đó triển khai một số thủ tục pháp lý về đầu tư dự án tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ chung cư;

- Khu đất số 489-493 đường Nguyễn Lương Bằng, Đà Nẵng:

Năm 2025, đã hoàn thành hồ sơ gia hạn (05 năm) đến năm 2028, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng , thành phố Huế:

* Năm 2023 - năm 2024 và 9 tháng của năm 2025:

+ Hoàn thành hồ sơ đề nghị Phê duyệt điều chỉnh cục bộ phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu C - Khu đô thị An Vân Dương đối với các lô đất CT2, CT3, CT4 (DV5,DV7,DV8) từ đất thương mại dịch vụ thành đất ở hỗn hợp (OTM9, OTM10, OTM11) chờ Sở xây dựng thẩm định; Hoàn thiện hồ sơ Thiết kế quy hoạch TMB 1/500 của các lô CT2,CT3,CT4 và đã trình Phường Mỹ thượng lấy ý kiến cộng đồng dân cư trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hoàn thiện các thủ tục để triển khai thi công phần hạ tầng còn lại, đầu tư xây nhà thô và kinh doanh khai thác các lô đất nhà liền kề còn lại của dự án.

+ Thực hiện bàn giao các hạng mục còn lại của dự án: Chiếu sáng, Cây xanh, Thoát nước mưa và thoát nước thải cho đơn vị vận hành là Ban QLDA Đầu tư Xây dựng và Phát

triển đô thị Thành phố Huế; Làm việc với Sở Tài Nguyên Môi trường và các bên liên quan của Thành phố để đẩy nhanh thực hiện cấp sổ đỏ cho 79 căn chưa có hạ tầng; Bổ sung hồ sơ Pháp lý, hồ sơ QLCL gửi Sở Ban ngành để thực hiện Quyết toán hoàn thành dự án.

- Trụ sở VNECO, 344 Phan Châu Trinh- Đà Nẵng; Tiếp tục tháo gỡ pháp lý liên quan theo hợp đồng với Bộ chỉ huy quân sự thành phố để giải quyết cấp chứng nhận quyền sử dụng đất.

III. Kết quả sơ bộ về hoạt động kinh doanh 9 tháng của năm 2025:

HĐQT, Ban điều hành tiến hành rà soát và điều chỉnh mục tiêu kế hoạch 2024- 2025 tập trung các mục tiêu kinh doanh trọng yếu về các lĩnh vực hoạt động Xây lắp điện, đầu tư dự án năng lượng tái tạo và hoạt động kinh doanh bất động sản;

Kết quả đạt được 9 tháng qua về một số chỉ tiêu, như sau:

Doanh thu, thu nhập 9 tháng năm 2025 (BCTC hợp nhất): 236,45 tỷ đồng.

Lợi nhuận, lỗ: 152 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ chủ yếu là do: Chi phí tài chính 112,7 tỷ, trong đó lãi vay: 93,8 tỷ đồng.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

Nhận định, đánh giá cơ hội, khó khăn thách thức đối với VNECO năm 2025 - 2026; kiên định mục tiêu phát triển VNECO giai đoạn 2021-2025 và những năm sau, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, tích lũy cơ hội đầu tư và tái cấu trúc hệ thống, HĐQT Tổng Công ty đề ra kế hoạch năm 2025, định hướng năm 2026 và các năm sau, với các chỉ tiêu chủ yếu, các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện cụ thể như sau:

I. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	KH Năm 2025	Tỷ lệ KH/TH 2024
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	452,76	455,226	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	(240,61)	60,499	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(241,07)	57,391	

KH năm 2025: Doanh thu xây lắp các công trình là 255,130 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tái chính: 70,097 tỷ đồng và thu nhập khác: 130 tỷ đồng.

2. Định hướng hoạt động năm 2026 và các năm sau

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Ước thực hiện 2025	Dự kiến năm 2026	Dự kiến các năm sau	Ghi chú
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	455,226	767,00		Mức tăng >30% so với năm trước liền kề

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Ước thực hiện 2025	Dự kiến năm 2026	Dự kiến các năm sau	Ghi chú
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	57,391	65,500	Mức tăng > 15% so với năm trước liền kề	
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	904,295	1.204,295		
4	Tỷ lệ cổ tức	%				

II. Các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 - 2026 và các năm sau

1. Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp:

1.1. Hoạt động xây lắp công trình điện và Năng lượng tái tạo:

Tích cực tham gia công tác thị trường, tìm kiếm việc làm trên cơ sở xây dựng chiến lược giá hợp lý cạnh tranh, gia tăng thị phần các năm sau, tận dụng năng lực đầy mạnh lĩnh vực xây lắp Năng lượng tái tạo (Điện mặt trời, điện gió) phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025, tạo tiền đảm bảo tăng trưởng doanh thu 2026 và năm sau.

Tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2 về tái cấu trúc hệ thống nhằm xây dựng đơn vị thành viên lớn mạnh và áp dụng mạnh mẽ giao khoán trọn gói khối lượng lớn thi công công trình cho đơn vị thi công;

Quyết liệt chỉ đạo thi công các công trình theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

- Tập trung rà soát tiến độ hàng tuần, chỉ đạo các đơn vị thi công theo kế hoạch định kỳ hàng tháng để kịp thời điều chuyển khối lượng đối với đơn vị không đáp ứng tiến độ;
- Tăng cường năng lực đội ngũ Cán bộ kỹ thuật giám sát để nâng cao chất lượng thi công, tổng hợp hồ sơ thi công nhanh nhất đảm bảo kịp thời hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công; bổ sung nhân lực làm công tác đền bù thi công, phối hợp tốt giữa Ban chỉ huy và đơn vị thi công để đảm bảo tiến độ và hiệu quả từng công trình;
- Tăng cường đầu tư thiết bị, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty thành viên trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ;
- Phát triển mối quan hệ với khách hàng mới trên các lĩnh vực về hoạt động bất động sản khu công nghiệp, năng lượng tái tạo và tiếp tục kết nối, xây dựng mối quan hệ với khách hàng truyền thống thuộc EVN;
- Tập trung chỉ đạo, điều hành một số công trình trọng điểm và các tồn tại trên các công trình trong năm 2025 nhằm tiết giảm chi phí và giảm thiểu thiệt hại cho VNECO;
- Củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đủ năng lực, chất lượng, bố trí đúng người đúng việc đảm bảo hiệu quả công tác, chất lượng công việc;
- Quản lý tốt các vật tư, thiết bị trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, tính toán chính xác hợp lý vật tư chủ đầu tư cấp theo phạm vi công việc của đơn vị;
- Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý tiến độ, áp dụng công nghệ kiểm soát chất lượng thi công các công trình đáp ứng yêu cầu của các chủ đầu tư.

2. Hoạt động đầu tư

2.1. Đối với hoạt động đầu tư bất động sản:

- Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thành phố Huế:

Hoàn thành điều chỉnh tổng thể toàn dự án (điều chỉnh lô CT2, CT3, CT4; điều chỉnh diện tích thực tế so với diện tích giao); Tập trung ưu tiên để chuẩn bị các bước triển khai Dự án tổ hợp chung cư kết hợp thương mại dịch vụ các lô CT2, CT3, CT4 và hoàn thiện phần nghĩa vụ hạ tầng còn lại của dự án Mỹ Thượng phục vụ cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ quỹ đất còn lại của dự án; Hoàn thiện hồ sơ Pháp lý, hồ sơ QLCL thực hiện Quyết toán dự án (quyết toán giai đoạn); Hoàn thiện chủ trương đầu tư xây dựng và triển khai xây dựng nhà thô cho các lô đất còn lại chưa xây dựng.

- Dự án 66 Hoàng Văn Thái, Thành phố Đà Nẵng:

Đẩy mạnh việc lập các thủ tục pháp lý để chuẩn bị đầu tư dự án tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ chung cư, trong giai đoạn 2020-2025 nhằm khai thác khu đất 66 Hoàng Văn Thái, Thành phố Đà Nẵng mà ĐHĐCĐ đã quyết định tại cuộc họp thường niên hàng năm.

2.2. Đầu tư các dự án Năng lượng tái tạo:

Hoàn thiện hồ sơ pháp lý đầu tư, đàm phán giá điện và đưa vào vận hành thương mại đối với 03 turbine còn lại chưa COD của Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong;

Tìm kiếm nguồn vốn, tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý, với trọng tâm tập trung đầu tư Dự án điện gió Lệ Thủy 3, công suất nhà máy 50MW tỉnh Quảng Trị; Nghiên cứu triển khai hợp tác đầu tư dự án điện gió Phước Thê, công suất 28MW và tham gia đấu thầu hợp tác đầu tư một số dự án năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) có nhiều tiềm năng ở các địa phương khác.

2.3. Hợp tác đầu tư một số dự án Thủy điện vừa và nhỏ:

Ưu tiên, lựa chọn một đến hai dự án thủy điện nhỏ và vừa, đã có thông tin cơ bản về thủ tục đầu tư dự án tại khu vực Quảng Ngãi, Gia lai để hợp tác đầu tư.

2.4. Hợp tác đầu tư một số dự án bất động sản khu công nghiệp:

Trước mắt tập trung ưu tiên, lựa chọn một số dự án bất động sản khu công nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng.

3. Phát triển kinh doanh mua bán điện trực tiếp (DPPA):

Xây dựng mô hình bán điện trực tiếp cho khách hàng công nghiệp sử dụng điện lớn, đặc biệt tại khu vực Hòa Thắng - Mũi Né. DPPA giúp VNECO chủ động đầu ra cho nguồn điện tái tạo, mở rộng biên lợi nhuận và sớm đón đầu thị trường điện cạnh tranh.

4. Phát triển dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng nhà máy điện gió và điện mặt trời:

Phát triển dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng cho các nhà máy điện gió dựa trên lợi thế 02 hệ thống cầu 800 tấn và đội ngũ chuyên môn có kinh nghiệm kỹ thuật thi công điện gió. Đây là mảng có biên lợi nhuận tốt, nhu cầu ổn định, tạo nguồn thu dịch vụ thường xuyên trong thời gian tới, đặc biệt các dự án tại Việt Nam vào chu kỳ bảo dưỡng.

5. Giải pháp về tài chính:

- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc hệ thống tổ chức Công ty mẹ- Công ty con; Tái cấu trúc tài sản, tài chính, các khoản đầu tư tài chính theo hướng khai thác tối đa lợi thế của tài sản, các khoản đầu tư, bảo đảm phù hợp với điều kiện của Tổng Công ty trong thực tế hiện nay; giảm dư nợ vay các tổ chức tín dụng, cá nhân và tổ chức khác phù hợp nhằm giảm chi phí hoạt động tài chính;

- Thực hiện các giải pháp để thu hồi phần vốn phải thu các công trình từ chủ đầu tư, kể cả các khoản phải thu năm 2023 chuyển qua và giá trị phát sinh trong năm 2024 - 2025;

- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính để tìm giải pháp nhằm tạo lập nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, đầu tư hiệu quả;

- Thực hiện tốt hơn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Tổng Công ty;

- Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị;

- Xây dựng, triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026, từ 904,329 tỷ đồng lên 1.204,32 tỷ đồng (phát hành tăng vốn điều lệ thêm 300 tỷ đồng) nhằm bổ sung vốn lưu động, đầu tư bất động sản khu công nghiệp và phát triển dự án năng lượng tái tạo. Phương án phát hành tăng vốn điều lệ, Phương án đầu tư chi tiết, HĐQT sẽ trình Đại hội cổ đông xem xét quyết định, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường và phân tích cơ hội đầu tư.

- Tiếp tục và kiên trì thực hiện mọi biện pháp nhằm thúc đẩy tháo gỡ, giải quyết vụ việc oan sai mà Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018) đã tuyên VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho ngân hàng Xây dựng trong vụ án Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”..., nhằm khắc phục khó khăn về tài chính, nguồn vốn để các tổ chức tài chính, ngân hàng hỗ trợ VNECO vay vốn thực hiện các dự án đầu tư và kinh doanh trong năm 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.

PHẦN THỨ BA

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động năm 2023-2024 và 9 tháng năm 2025, như sau:

1. Các hoạt động chính của HĐQT năm 2023 - 2024 và 6 tháng năm 2025:

1.1. Công tác tổ chức của HĐQT

HĐQT Tổng Công ty nhiệm kỳ 2020-2025, có 05 thành viên. Trong đó: Chủ tịch HĐQT, 02 Phó Chủ tịch chuyên trách; 01 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và 01 Thành viên HĐQT. Các Thành viên HĐQT và Thành viên độc lập đã thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của HĐQT về các lĩnh vực đầu tư, hoạt động Xây lắp, kinh doanh bất động sản, kinh doanh thương mại,...

1.2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT năm 2023 - 2024 và 6 tháng năm 2025.

HĐQT hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc quản trị công ty, tuân thủ đúng quy định tại điều lệ Tổng Công ty, quy định của pháp luật. Năm 2023, HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và bất thường; Năm 2024,

HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và bất thường (10 lần tổ chức họp và 01 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT); 6 tháng năm 2025 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp (Trong đó 03 lần tổ chức họp và 01 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT). Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập vào công tác quản lý, điều hành, công tác tổ chức, nhân sự, tái cơ cấu nguồn vốn, công tác đầu tư, công tác quản trị và triển khai các bước để tái cấu trúc hệ thống từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên, nhằm nâng cao lực hoạt động, xây dựng Tổng Công ty phát triển bền vững. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thảo luận, với sự nhất trí 100% thành viên HĐQT tham dự họp.

Năm 2023, HĐQT đã ban hành 12 nghị quyết và quyết định; Năm 2024, HĐQT đã ban hành: 13 nghị quyết và quyết định; 6 tháng đầu năm 2025, HĐQT đã ban hành: 04 Nghị quyết và quyết định. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung vào công tác tổ chức, quản lý, nhân sự, công tác đầu tư, tái cấu trúc tài sản (chuyển nhượng các BĐS thành phố Hồ Chí Minh), chuyển nhượng một phần vốn đầu tư tại Công ty con (VNECO3) và triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 của Tổng Công ty.

Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nhiệm vụ mà HĐQT giao; Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Tổng Công ty. Các thành viên HĐQT đã nỗ lực phấn đấu, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT, đồng thời đã hoàn thành tốt các công việc theo sự phân công của HĐQT.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Năm 2023 - 2024 và 6 tháng 2025, Thành viên độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp sát thực vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động, công tác quản lý của VNECO. Đồng thời, đã góp phần giám sát, hỗ trợ hoàn thiện cơ chế quản trị, kiểm soát và bảo vệ quyền lợi của cổ đông, của doanh nghiệp.

Đánh giá về hoạt động của HĐQT trong năm 2023 - 2024 và 9 tháng trong năm 2025, thành viên HĐQT độc lập nhận thấy:

- Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, tài liệu được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện và xem xét cân trọng để đưa ra định hướng, giải pháp tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, tái cấu trúc hệ thống,... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ;
- Các quyết định đầu tư, tái cấu trúc tài chính, nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT đều được nghiên cứu cẩn thận, có cơ sở và được thảo luận, phản biện trong các buổi họp HĐQT;
- HĐQT đã hoàn thành các công việc được giao với tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp, kỷ cương và tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ VNECO;
- HĐQT đã kịp thời có các phương án, giải pháp hiệu quả để cùng với Ban Điều hành tháo gỡ khó khăn, thách thức trong hoạt động xây lắp các công trình, dự án;
- HĐQT đã cùng với Ban Tổng Giám đốc triển khai công tác đánh giá, xây dựng hồ sơ năng lực cá nhân và năng lực tổ chức đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của chủ đầu tư và quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

2. Tổng số tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 - 2024 và 6 tháng đầu năm 2025:

2.1. Tổng số tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 là 2.080.813.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương của Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch (chuyên trách) và thù lao thành viên HĐQT là: 1.606.000.000 đồng;
- Tiền lương Trưởng ban kiểm soát, thù lao của Ban kiểm soát là: 372.000.000 đồng;

2.2. Tổng số tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 là 1.027.500.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương của Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch (chuyên trách) và thù lao thành viên HĐQT là: 846.000.000 đồng;
- Tiền lương Trưởng ban kiểm soát, thù lao của Ban kiểm soát là: 181.500.000 đồng;
- (Chi tiết có Tờ trình về việc thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS kèm theo).

2.3. 06 tháng năm 2025, đã giải quyết tạm ứng chi phí lương và thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát là: 591.000.000 đồng. Trong đó: chi phí tạm ứng của HĐQT là 426.000.000 đồng và Ban Kiểm soát là 165.000.000 đồng. Chi phí này sẽ quyết toán tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

3. Giao dịch liên quan: Giao dịch giữa Công ty mẹ với các Công ty con và Công ty liên kết chủ yếu là các giao dịch trong hoạt động xây lắp và giao dịch có liên quan, HĐQT đã công bố thông tin kịp thời và báo cáo đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023, năm 2024 và Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025.

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Tổng Giám đốc.

Tình hình hoạt động của VNECO trong năm 2023 -2024 và 9 tháng năm 2025, đối mặt với vô vàn khó khăn, thách thức kết quả kinh doanh chưa đạt yêu cầu, chưa đạt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do tình trạng khó khăn chung của ngành xây dựng, kinh doanh bất động sản, thủ tục pháp lý đầu tư Năng lượng tái tạo và đặc biệt là nguồn vốn kinh doanh.

HĐQT đã kiên định, bám sát mục tiêu để quản lý Tổng Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan; Giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành của ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra tại cuộc họp thường niên năm 2023, với sự chủ động, linh hoạt, thích ứng trong điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Tổng Công ty.

HĐQT tiếp tục triển khai tái cấu trúc hoạt động đối với Tổ hợp VNECO và đang triển khai giai đoạn tiếp theo về tái cấu trúc hệ thống từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên; Rà soát đánh giá các khoản đầu tư tại các đơn vị thành viên trong tổ hợp; lựa chọn để đầu tư nguồn lực vào đơn vị có tiềm năng tăng trưởng nhằm đem hiệu quả phù hợp định hướng chiến lược của VNECO. Ưu tiên hàng đầu nguồn lực vào các mảng đầu tư kinh doanh cốt lõi là: Hoạt động Xây lắp điện, kinh doanh Bất động sản và Năng lượng tái tạo.

Tuy nhiên, từ những khó khăn trong hoạt động Xây dựng và một số nguyên nhân khách quan, chủ quan, khó khăn về nguồn vốn đã làm sụt giảm doanh thu trên các công trình, dự án nên không đạt kế hoạch đề ra (chi tiết các công trình, dự án như đã nêu trên) và không có công trình/dự án khác để hỗ trợ dẫn đến Doanh thu năm 2023, 2024 sụt giảm,

mặt khác chi phí tài chính, lãi vay tăng cao, thiếu hụt vốn lưu động dẫn đến một số công trình đình trệ... cho nên lợi nhuận cũng không đạt kế hoạch đề ra.

HĐQT thường xuyên giám sát Tổng Giám đốc, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và quyết định của HĐQT, cụ thể: Việc thực thi kế hoạch tái cấu trúc, kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐQT; Việc thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên, BCTC năm và báo cáo thường niên; Việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách nhân sự và quyết liệt triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư; thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành hoạt động thường xuyên như đã nêu trong báo cáo trình ĐHĐCĐ.

Năm 2025 - 2026, mặc dù chặng đường phía trước còn rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng: Với định hướng đúng đắn của Tổng Công ty; với sự hỗ trợ đồng hành của Quý cổ đông; với niềm tin, sáng tạo và truyền thống đoàn kết của CBNV, chúng ta sẽ vượt qua thử thách, xây dựng vững chắc vị thế thương hiệu VNECO trên thị trường, tăng cường mở rộng thị trường quốc tế thông qua hiện thực hóa chiến lược, thông qua đàm phán, hợp tác với các tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

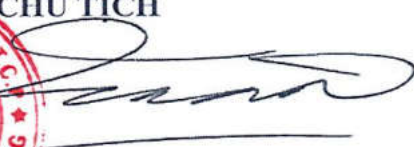
Trên đây là một số nội dung chủ yếu về kết quả kinh doanh năm 2023 -2024, Kế hoạch kinh doanh năm 2025, kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2025, định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026 và các năm sau của Tổng Công ty. Kính mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông nhằm tạo động lực giúp HĐQT, Ban điều hành trong quá trình tổ chức, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




NGUYỄN ANH TUẤN

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chỉ tiêu	Ghi chú
I	DOANH THU BÁN HÀNG HOÁ & DỊCH VỤ	255.130	
1	Các công trình xây lắp	249.074	
2	Hoạt động thương mại		
3	Dịch vụ cho thuê thiết bị cầu	6.056	
II	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	273.349	
1	Các công trình xây lắp	261.926	
2	Hoạt động thương mại		
3	Dịch vụ cho thuê thiết bị cầu	11.423	
III	LỢI NHUẬN GỘP (I-II)	(18.219)	
1	Các công trình xây lắp	(12.852)	
2	Hoạt động thương mại	-	
3	Dịch vụ cho thuê thiết bị cầu	(5.367)	
IV	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	70.097	
V	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	117.321	(*)
VI	LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (IV-V)	(47.224)	
1	Thu nhập khác	130.000	
2	Chi phí khác	9.879	
VII	THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC (1-2)	120.121	
VIII	CHI PHÍ BÁN HÀNG	-	
IX	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	(5.771)	
X	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (III+VI+VII-VIII-IX)	60.449	
XI	THUẾ TNDN PHẢI NỘP (20%)	919	Bao gồm cả chi phí thuế TNDN của phần chi phí không được trừ của giao dịch liên doanh liên kết
XII	THUẾ TNDN HOẢN LẠI	2.138,79	
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TỪ HĐKD (X-XI-XII)	57.391	
	Tái phát hành CP Quỹ (tăng thặng dư vốn CP)	8.377.720	
	Cổ phiếu đang lưu hành	82.055.233	
	Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	699,42	

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ KD NĂM 2024, KẾ HOẠCH KD NĂM 2025 VÀ DỰ KIẾN DOANH THU NĂM 2026

TT	Danh mục công trình	Doanh thu 2024	KH Doanh thu 2025	Dự kiến Doanh thu 2026	Ghi chú
I.	Hoạt động xây lắp	294.887.032.411	249.074.311.614	340.849.381.650	
1	Đz 220kV Cà Mau 1	63.501.828.025			Đã QT
2	Đz 220kV Bến Lức	22.397.569.027	4.248.748.531		
3	Đz 500kV Long Thành	1.056.182.105	3.869.193.746	682.798.896	
4	TBA 220kV Tam Phước	-			
5	Đz 500kV Ô Môn - Thốt Nốt (G9)	40.778.495.802	11.146.258.902	1.959.764.807	
6	ĐZ 220kV Bảo Lộc - Sông Mây (xử lý sự cố VT 109)	246.500.000			
7	Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên	(246.829.910)			
8	TBA 500kV Tân Uyên	-			
9	TBA 500kV Ô Môn - Thốt Nốt (Gói 5)	39.976.722.225	34.782.116.678	4.388.380.234	
10	TBA 500kV Ô Môn - Thốt Nốt (Gói 6)	11.740.217.763	13.362.424.789	3.567.594.418	
11	Đz 110kV Cầu Bông - Bình Tân	-			
12	Đz 500kV Đức Hòa - Chơn Thành	-	13.276.670.435	4.392.936.678	
13	MEPF Thái Tuấn	-			
14	Đz 110kV Đồng Hới - Lệ Thủy	18.541.399.036	16.745.720.021		Đã chất dứt HĐ, đang QT
15	Đz 220kV Krông Buk Nha Trang	-	2.459.783.755		Đã chất dứt HĐ, đang QT
16	ĐZ 110kV và 220kV đi chung PVGP, PTQĐ phía Tây Tp Hà Tĩnh (Cty TNHH ĐT Khu đô thị Hàm Nghi)	5.256.874.245			
17	ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	(172.954.137)			
18	(Giai đoạn 2) ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	(37.058.340)			
19	Gói thầu số 10 (XL-01) Mở rộng TBA 220kV Phước Thái	728.577.807	10.712.459.466		Đang xóa tồn tại và QT
20	ĐZ 500kV ND Văn Phong - ND Vĩnh Tân (gói 11)	1.676.891.929	369.963.118		Đã QT, QT bổ sung
21	Nhà máy điện mặt trời Miền Trung (H.Cam Lâm)	-			
22	ĐZ 110kV và ngăn PP 110kV của nhà máy bột giấy VNT19	20.145.151.806			
23	TBA 110kV Gia Nghĩa và đầu nối (LD VNE-VNE8)	76.890.131			
24	Cải tạo Nâng tiết điện đường dây 110kV TBA 220kV Tam Kỳ - TBA 110kV Tam Thăng (HĐ 01.2021)	-			
25	Đz 500kV Nghi Sơn 2	-			
26	Đz 500kV Thuận Nam	7.936.085.318			
27	Đz 110kV Bảo Ninh	11.490.587.451	1.109.731.920		Đã QT
28	Gói thầu cung cấp vật tư và thi công NXT 220kV tại TBA 220kV Phước Thái giai đoạn 2 (DA NMDMT Thiên Tân 1.3)	2.245.213.344			
29	Công trình phát sinh lâu (không có VV cụ thể)	-			
30	Đz 220kV Hải Dương - Phở Nối	5.492.464.867	3.653.002.652		Đang QT
31	Đz 220kV Nậm Sum - Nông Cống	7.420.360.593	1.257.160.026		Đang QT
32	gói thầu số 02XL-DZ220NM - ĐZ 220kV Nậm Mô (Láo) - Tương Dương (VN)	4.013.851.069	3.913.470.087		Đang xóa tồn tại và QT
33	gói thầu số 04XL-DZ220NM - ĐZ 220kV Nậm Mô (Láo) - Tương Dương (VN)	-	316.100.568		Đang xóa tồn tại và QT
34	ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói số 5) xây lắp ĐZ từ ĐĐ đến G16	13.106.518.277	25.437.464.938	1.516.784.154	Đang xóa tồn tại và QT
35	ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói số 6) xây lắp ĐZ từ G16 đến G29	10.112.284.830	33.769.524.619	1.455.272.797	Đang xóa tồn tại và QT
36	TBA 110kV Sơn Nam	5.493.322.042	6.880.178.337	2.183.558.890	
37	Đz 220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (G9)	-	25.667.642.043	8.087.879.967	
38	Đz 220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (G10)	-	15.453.365.790	3.328.914.240	
39	TBA 500kV Tây Hà Nội	1.909.887.106	4.339.051.045	765.714.890	
40	Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi _ Lô 9.5; 9.9; 9.10		16.304.280.150		Đang xóa tồn tại và QT
41	TBA 500kV Đức Hòa và các Đz đầu nối _ Gói W15 (XL TBA)			6.380.862.070	
42	TBA 500kV Đức Hòa và các Đz đầu nối _ Lô 18.1 (XL Đz)			2.138.919.608	Đang QT
43	Dự kiến đầu thầu năm 2026			300.000.000.000	

TT	Danh mục công trình	Doanh thu 2024	KH Doanh thu 2025	Dự kiến Doanh thu 2026	Ghi chú
II.	Doanh thu Bán hàng và Cung cấp dịch vụ	23.462.274.237	6.055.555.560	376.552.272.773	
1	Doanh thu dịch vụ khách sạn	1.043.175.934		1.000.000.000	
2	Doanh thu mua bán thương mại	5.766.825.530		5.000.000.000	
3	Doanh thu dịch vụ cho thuê cầu	16.500.000.000	x	50.000.000.000	
4	Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	27.272.773		27.272.773	
5	Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị	125.000.000		125.000.000	
6	Doanh thu hoạt động hợp tác đầu tư/hoạt động khác về các dự án Khu công nghiệp			320.400.000.000	
III.	Doanh thu kinh doanh Bất động sản	108.489.113.597		50.000.000.000	
1	Doanh thu dịch vụ CN Bất động sản	108.489.113.597		50.000.000.000	
IV	Doanh thu tài chính, thu nhập khác	25.922.738.248	200.097.000.000		
	Tổng cộng	452.761.158.493	455.226.867.174	767.401.654.423	

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: **Đại Hội đồng Cổ đông**
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2023 và 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt nam.

BAN KIỂM SOÁT:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Trưởng Ban Kiểm soát.

Bà Nguyễn Đức Thường - Thành viên Ban Kiểm soát.

Bà Nguyễn Thị Như - Thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm Soát (BKS) xin báo cáo trước Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 về kết quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) năm 2023-2024 với các nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023-2024

1. Thực hiện giám sát hoạt động tuân thủ theo qui định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty đối với Hội Đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) trong việc quản lý và điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông năm 2023. Do năm 2024 TCT không tổ chức ĐHĐCĐ theo qui định, BKS chỉ đưa ra ý kiến đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2024.

2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành và thực hiện các nội dung của Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BDH.

3. Kiểm tra tính hợp lý, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo Tài chính.

Thẩm định Báo cáo Tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, qui định pháp luật của Nhà nước;

Đề xuất lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện Kiểm toán BCTC hàng năm, bao gồm soát xét báo cáo tài chính bán niên 6 tháng và Báo cáo Tài chính kết thúc niên độ Kế toán của Tổng Công ty (TCT) năm 2023-2024. Năm 2023 -2024, BCTC đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt nam.

Năm 2023-2024, BKS đã tổ chức 09 cuộc họp của BKS bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến, với các nội dung gồm: Đánh giá hoạt động kinh doanh của TCT, các công tác quản trị và điều hành của Ban lãnh đạo trong năm 2023-2024 thông qua các số liệu, công tác kiểm tra, kiểm toán báo cáo tài chính và các thông tin thu thập khác.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tình hình hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành Tổng Công ty:

a) Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Năm 2023, HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và bất thường; Năm 2024, HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và bất thường (10 lần tổ chức họp và 01 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT) để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc điều hành kinh doanh, xúc tiến đầu tư các dự án theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2023, các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của TCT năm 2024.

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT, nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT đã thực hiện trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của Pháp luật.

b) Ban Điều hành (BDH)

Trong năm 2023-2024, BKS nhận thấy công tác quản lý điều hành và quản lý các hoạt động kinh doanh TCT của BDH đã tuân thủ các nghị quyết của HĐQT, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của Pháp luật.

Ban Điều hành luôn chủ động, linh hoạt, cố gắng nỗ lực, sáng tạo, có những chiến lược, chính sách phù hợp trong quản lý điều hành để thích ứng với tình hình thực tế. Tuy nhiên do những khó khăn từ kinh tế vĩ mô nên TCT đã không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2024 không được như mong đợi.

c) Kết quả phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và các cổ đông:

- Các thành viên HĐQT và Ban Điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

- BKS đã cùng tham gia các cuộc họp HĐQT, Ban Điều hành để nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp với các vấn đề thuộc quyền hạn của BKS.

- HĐQT, Ban Điều hành, BKS luôn sẵn sàng phối hợp với các cổ đông theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp hiện hành để giải quyết những vấn đề cổ đông quan tâm; hỗ trợ tối đa các nhu cầu về thông tin tới các cổ đông thông qua các hoạt động công bố thông tin, hoạt động truyền thông, các sự kiện hoặc thông tin trực tiếp cho những cổ đông có yêu cầu.

2. Về tình hình Tài chính, Kế toán của Tổng Công ty.

Công tác kế toán của Tổng Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Việc tổ chức công tác tài chính, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời hàng quý, đảm bảo tuân

thủ theo đúng thời gian quy định của UBCK.

BKS xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông đã được kiểm toán bởi công ty Kiểm toán độc lập.

Một số chỉ tiêu về Tài sản và Nguồn vốn Tổng Công ty qua các năm:

Tổng Tài sản - Tổng Nguồn Vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu Tài chính	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
I	Tổng Tài sản	2.260	2.665	2.841
1	Tài sản ngắn hạn	1.252	1.481	1.619
2	Tài sản dài hạn	1.008	1.184	1.223
II	Tổng Nguồn vốn	2.260	2.665	2.841
1	Nợ phải trả	1.479	1.643	1.827
2	Vốn chủ sở hữu	781	1.022	1.014

Cơ cấu Vốn - Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	NĂM 2023	NĂM 2022
I	Cơ cấu Vốn			
1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	65.44%	61.64%	64.29%
2	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	34.56%	38.36%	35.71%
	Tổng Nguồn vốn của TCY qua các năm	2.260	2.665	2.841
II	Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động			
1	LNST/Tổng TS	-10.67%	0.27%	0.23%
2	LNST/VĐL	-30.86%	0.69%	0.64%

Với số liệu như trên, BKS có nhận xét như sau:

Tổng Nguồn vốn của Tổng Công ty tại thời điểm cuối năm giảm dần qua các năm.

Tại thời điểm 31/12/2024, cơ cấu Nợ phải trả trên Tổng nguồn vốn cao nhất qua các năm. Đề nghị Tổng Công ty xem xét cơ cấu nguồn vốn giữa vốn lưu động và vốn trung, dài hạn tài trợ cho các hoạt động đầu tư để giảm thiểu rủi ro tài chính.

3. Về tình hình hoạt động SXKD của Tổng Công ty:

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2022 và 2023

Đvt: Triệu đồng

T T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2022	SỐ SÁNH TH2023/KH2023		SỐ SÁNH TH2023/TH2022	
					(%)	(+/-)	(%)	(+/-)
I	Doanh thu tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ	658.711	1.893.230	1.260.415	34,8%	(1.234.519)	52,3%	(601.704)
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	270.601	1.563.230	500.171				
2	Bắt động sản tại khu đô thị Mỹ Thượng Huế		-	770				
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng		-	21.997				
4	Hoạt động thương mại	388.109	330.000	737.477				
II	Chi phí giá vốn hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ	566.554	1.775.547	1.212.003	31,9%	(1.208.993)	46,7%	(645.448)

T T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH TH2023/KH2023		SO SÁNH TH2023/TH2022	
					(%)	(+/-)	(%)	(+/-)
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	252.669	1.464.547	436.979				
2	Bất động sản tại khu đô thị Mỹ Thượng Huế		-	694				
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng		-	39.605				
4	Hoạt động thương mại	313.885	311.000	734.724				
A	Lợi nhuận gộp từ KD HH, Dịch vụ (I-II)	92.156	117.683	48.412	78,3%	(25.527)	190,4%	43.743
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	17.932	98.683	63.192				
2	Bất động sản tại khu đô thị Mỹ Thượng Huế		-	76				
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng		-	(17.608)				
4	Hoạt động thương mại	74.224	19.000	2.753				
III	Doanh thu hoạt động tài chính	24.199	23.921	19.972				
IV	Chi phí hoạt động tài chính	66.722	84.237	59.589				
B	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (III-IV)	(42.523)	(60.316)	(39.617)	70,5%	17.793	107,3%	(2.906)
C	Lợi nhuận khác	(872)	-	(1.972)				
1	Thu nhập khác	597		342				
2	Chi phí khác	1.469		2.315				
D	Chi phí bán hàng	-	-	-				
E	Chi phí QLDN	34.915	38.042	(5.832)				
F	Lợi nhuận trước thuế (A+B+C-D-E)	13.846	19.325	12.655	71,6%	(5.479)	109,4%	1.191
G	Thuế TNDN phải nộp	6.772	3.865	6.211				
K	Thuế TNDN hoãn lại							
II	Lợi nhuận sau thuế từ HĐKD (F-G-K)	7.084	15.460	6.444	45,8%	(8.376)	109,9%	640

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2023 và 2024

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH TH2024/TH2023	
				(%)	(+/-)
I	Doanh thu tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ	426,838	658,711	64,8%	(231,872)
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	294,887	270,601		
2	Bất động sản	108,489			
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng				
4	Hoạt động thương mại	23,462	388,109		
II	Chi phí giá vốn hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ	490,093	566,554	86,5%	(76,461)
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	353,919	252,669		
2	Bất động sản	124,373			
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng				
4	Hoạt động thương mại	11,802	313,885		

A	Lợi nhuận gộp từ KD HH, Dịch vụ (I-II)	(63,255)	92,156	-68.6%	(155,411)
1	Xây lắp và xây dựng các công trình	(59,032)	17,932		
2	Bất động sản	(15,883)	-		
3	Dịch vụ khách sạn, bán hàng	-	-		
4	Hoạt động thương mại	11,660	74,224		
III	Doanh thu hoạt động tài chính	22,795	24,199	94.2%	(1,404)
IV	Chi phí hoạt động tài chính	130,244	66,722	195.2%	63,523
B	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (III-IV)	(107,450)	(42,523)	252.7%	(64,927)
C	Lợi nhuận khác	1,868	(872)	-214.1%	2,740
1	Thu nhập khác	1,868	597		
2	Chi phí khác		1,469		
D	Chi phí bán hàng	-	-		
E	Chi phí QLDN	71,905	34,915	205.9%	36,990
F	Lợi nhuận trước thuế (A+B+C-D-E)	(240,742)	13,846	-1738.7%	(254,888)
G	Thuế TNDN phải nộp (20%)	333	6,763		
K	Thuế TNDN hoãn lại				
H	Lợi nhuận sau thuế từ HĐKD (F-G-K)	(241,075)	7,084	-3403%	(248,159)

Ban kiểm soát nhận xét:

Có thể thấy trong vòng 2 năm, doanh thu đã sụt giảm mạnh, tập trung ở hoạt động xây lắp và hoạt động thương mại. Công tác tìm kiếm việc làm, tham gia đấu thầu các công trình, dự án mới hiện vẫn tiếp tục đang dừng hoàn toàn do không mở được bảo lãnh cho gói thầu và cam kết tín dụng. Bên cạnh đó, việc mất cân đối nguồn vốn khiến công tác nghiệm thu, thanh toán của các công trình trúng thầu trước đó đang thi công dở dang đối mặt rất nhiều khó khăn.

Đối với các công trình đang thi công dở dang, BKS khuyến nghị TCT triển khai tiếp đảm bảo qui trình lao động an toàn, đảm bảo chất lượng nhằm lấy lại uy tín; kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và chi phí; Kiểm soát chặt chẽ giá nguyên vật liệu; có giải pháp để giảm thiểu tác động của việc biến động giá nguyên vật liệu đến tiến độ và hiệu quả kinh tế các công trình; nghiệm thu, quyết toán kịp thời, tăng cường công tác thu hồi công nợ;..

BKS kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành bám sát diễn biến thị trường, tình hình kinh tế vĩ mô; xây dựng các kịch bản quản trị và điều hành để kịp thời thích ứng với những biến đổi của thị trường trong việc phát triển các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty; Mặt khác, tìm hiểu phát triển thêm các loại hình kinh doanh khác nhằm phát huy năng lực, thế mạnh của TCT, tối đa hóa lợi nhuận cho các năm tiếp theo.

Các công ty con vẫn ở tình trạng hoạt động kinh doanh chưa hiệu quả. Kiến nghị Ban Điều hành có biện pháp giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh hạn chế rủi ro, giao chỉ tiêu và hỗ trợ các hoạt động tại các đơn vị, đặc biệt xem xét đầu tư phát triển mở rộng, nâng tính chủ động cho các Công ty con và Công ty liên kết.; Rà soát và thực hiện tái cấu trúc lại các công ty con, thực hiện thoái vốn tại các công ty hoạt động yếu kém.

Kết quả cho thấy HĐKD của TCT năm 2023 lãi 7.084 triệu đồng, đạt 45.8% so với kế hoạch năm 2023 và tăng trưởng 109.9% so với năm 2022. Nhưng sang năm 2024, lợi nhuận sau thuế ghi nhận âm 241.075 triệu đồng.

Tình hình công nợ Phải thu

Đvt: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	2024	2023
1	Phải thu của khách hàng ngắn hạn	516.066	561.600
2	Trả trước người bán ngắn hạn	97.007	112.034
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Cty TNP, cty VNECO-RME, khác)	164.992	166.990
4	Phải thu ngắn hạn khác (Tạm ứng, TNP, Reenize, khác..)	173.958	149.996
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(43.814)	(11.490)
	Tổng cộng	908.209	979.131

Ý kiến của Ban kiểm soát:

Tại thời điểm 31/12/2024, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng hiện vẫn còn rất lớn, gây mất cân đối tài chính, ảnh hưởng đến nguồn vốn lưu động như khoản phải thu của Công ty CP thương mại Reenize (152.5 tỷ), BQLDA điện các công trình điện Miền Trung (45.5 tỷ), BQLDA các công trình điện miền Nam (71 tỷ), các đối tượng khác (245 tỷ)... BKS đề nghị TCT khẩn trương triệt để thực hiện công tác thu hồi các khoản công nợ này sớm, giảm áp lực thiếu vốn cho hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Liên quan đến công nợ phải thu 11.490 triệu đồng thuộc dự án bất động sản tại TP.HCM đối với công ty TNHH TM&XD Phúc Vân Hà, TCT đã trích lập dự phòng, theo dõi trên sổ sách kế toán số phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2023 là 11.490 triệu đồng. Đến 31/12/2024, TCT ghi nhận thêm các khoản nợ khó có khả năng thu hồi của công ty CP Đầu tư Nhật Duy, công ty CP Đầu tư và SX công nghiệp Thăng Long, công ty CP năng lượng và môi trường Xanh Sao Việt, - nâng số khoản dư nợ khó đòi được ghi nhận là 43.814 triệu đồng. BKS đề nghị TCT tiếp tục khẩn trương xúc tiến, hoàn tất các thủ tục để sớm hạch toán, phản ánh đúng tình hình tài sản của TCT.

Đến 31/12/2024, việc hoàn ứng các khoản công nợ tạm ứng lớn của một số cá nhân nhân viên trong TCT vẫn chưa được thực hiện triệt để. Đề nghị TCT thúc đẩy thực hiện, kịp thời ghi nhận chi phí hoạt động đúng kỳ, phản ánh đúng thực trạng hoạt động kinh doanh và tránh rủi ro thâm hụt nguồn vốn.

Tình hình công nợ Phải trả

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	31/12/2024	31/12/2023
1	Phải trả người bán ngắn hạn	332,682	372,240
2	Người mua trả trước ngắn hạn	175,534	289,172
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5,610	10,614
4	Phải trả Người lao động	11,860	6,503
5	Chi phí phải trả ngắn hạn khác, Dự phòng phải trả, Quĩ khen thưởng phúc lợi	115,037	36,660
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	742,077	835,011
	Tổng cộng Phải trả Ngắn hạn	1.382.800	1.549.835

Chi tiết

Chi phí phải trả ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 là 1.382 triệu đồng bao gồm các khoản vay, phải trả người bán ngắn hạn, phải trả các Bên liên quan, Dự chi lãi vay ngân hàng, Dự chi các khoản thù lao HĐQT, BKS; Tiền lương và tiền công phải trả người lao động, Trích trước vào giá thành các công trình xây lắp...

6. Theo dõi các dự án:

Dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong:

Đến thời điểm 31/12/2024, Tổng công ty vẫn đang vận hành 5/8 Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw) với kết quả tương đối khả quan. Để sớm chính thức vận hành (COD) nốt 03 Turbine còn lại, BKS khuyến nghị Tổng Công ty tập trung xử lý các vấn đề còn tồn đọng, phối hợp làm việc chặt chẽ các cơ quan chức năng. Mặt khác, BKS khuyến nghị TCT cần có cơ chế thu hút đội ngũ kỹ sư giỏi, có chuyên môn cao, kiến thức sâu rộng về chuyên ngành Điện gió, xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo việc vận hành các turbine hoạt động đạt hiệu quả cao nhất.

Dự án Khu đô thị Mỹ Thượng – Huế:

Năm 2023-2024 Tổng công ty không ghi nhận doanh thu bất động sản tại khu đô thị Mỹ Thượng Huế.

Thực hiện nhiệm vụ được giao của HĐQT, ngay sau khi tiếp nhận dự án từ ngày 1/9/2024, công ty TNHH MTV Đầu tư và XD Nam Sông Hương đã khẩn trương tập trung mọi nguồn lực, từng bước tháo gỡ các vấn đề khó khăn, vướng mắc còn tồn tại của dự án trong nhiều năm qua (như điều chỉnh quy hoạch cục bộ dự án; bàn giao hạ tầng kỹ thuật còn lại của dự án; điều chỉnh, gia hạn tiền độ dự án; xin cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất phần còn lại của dự án, xây dựng phương án tiếp tục đầu tư hoàn thành phần còn lại của dự án...). BKS khuyến nghị TCT tiếp tục phối hợp cùng công ty Nam Sông Hương tập trung, đẩy nhanh tiến độ làm việc với các cấp, ban ngành tỉnh Thừa Thiên Huế, nhằm thúc đẩy việc ra giấy chứng nhận QSD đất cho 79 lô đất ở còn lại và 3 lô đất thương mại dịch vụ, xây dựng kế hoạch, lập phương án đầu tư kinh doanh nhằm khai thác đem lại nguồn lợi nhuận cho VNECO.

Đối với vụ việc liên quan vụ án bà Hứa Thị Phấn

Tổng Công ty đã nhận được Quyết định số 02/QĐ-CTHADS ngày 8/2/2022 của Cục Thi hành Án dân sự TP Đà Nẵng về việc hoãn thi thành Án trong vụ án bà Hứa Thị Phấn (theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh). BKS đề nghị HĐQT, BKH tiếp tục theo dõi, kháng cáo, khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền xem xét việc VNECO phải hoàn trả 200 tỷ cho Ngân hàng Xây dựng, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty theo đúng pháp luật.

7. Về các hoạt động khác:

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động:

Do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế khiến các doanh nghiệp đều đã và đang gồng mình để tồn tại và phát triển. Tổng Công ty cũng không là ngoại lệ. Do vậy, việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách về tiền lương, thưởng, phụ cấp, ăn ca, BHXH, BHYT, BHTN, an toàn – vệ sinh lao động đối với người lao động theo đúng pháp luật, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể còn chậm trễ. Tuy nhiên Ban lãnh đạo của TCT cũng nhận được sự chia sẻ và đồng cảm của người lao động. Ngoài ra, TCT luôn cố gắng đẩy mạnh thực hiện văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo động lực và môi trường làm việc tốt cho cán bộ, nhân viên.

Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại:

Trong năm 2023 và 2004, BKS không nhận được kiến nghị hoặc phản ánh nào của cổ đông, người lao động liên quan đến công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Điều hành. Không có khiếu nại nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đến quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Công tác cung cấp thông tin về hoạt động của Tổng công ty cho cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện đầy đủ.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng Cổ đông. Kính mong quý cổ đông đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó.

Ban kiểm soát Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Thay mặt BKS, chúng tôi chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban đơn vị, các cổ đông và cán bộ CNV Tổng Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong năm qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc.
- Lưu BKS. Thư ký HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Số: TTr/VNECO-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH
Báo cáo các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại thời điểm 31/12/2024, số liệu đã được Ban Kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra và Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty năm 2024, cụ thể:

1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2024

1.1. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024:

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2024)	Số đầu năm (01/01/2024)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100	1.252.654.216.488	1.481.406.054.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.594.247.193	9.730.295.388
1. Tiền	111	4.513.024.538	9.730.295.388
2. Các khoản tương đương tiền	112	81.222.655	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	1.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	0	1.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	908.208.803.131	979.131.486.815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	516.066.243.248	561.600.498.719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	97.006.850.182	112.034.480.101
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	164.992.000.000	166.990.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	173.958.229.324	149.996.507.995
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(43.814.519.623)	(11.490.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	264.613.313.459	397.665.722.674
1. Hàng tồn kho	141	264.613.313.459	397.665.722.674
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	75.237.852.705	94.877.549.808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	75.237.852.705	94.877.549.808
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	0	0
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200	1.007.623.460.668	1.183.695.955.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	177.001.279	1.681.910.492
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211	147.001.279	1.651.910.492
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
3. Phải thu dài hạn khác	216	30.000.000	30.000.000
II. Tài sản cố định	220	216.963.812.264	238.401.582.795
1. Tài sản cố định hữu hình	221	186.774.808.840	207.827.265.915
- Nguyên giá	222	334.678.994.311	341.924.766.889
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(147.904.185.471)	(134.097.500.974)
2. Tài sản cố định vô hình	227	30.189.003.424	30.574.316.880
- Nguyên giá	228	35.236.666.848	35.236.666.848

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2024)	Số đầu năm (01/01/2024)
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(5.047.663.424)	(4.662.349.968)
3. Bất động sản đầu tư	230	102.393.877.459	222.760.124.834
- Nguyên giá	231	102.393.877.459	222.760.124.834
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	157.107.993.638	157.123.993.638
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	79.857.851.629	79.873.851.629
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	77.250.142.009	77.250.142.009
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	530.579.139.999	562.955.804.597
1. Đầu tư vào công ty con	251	524.037.744.792	531.023.464.792
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	7.343.170.000	4.703.750.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	30.823.808.160	30.823.808.160
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(31.625.582.953)	(6.775.218.355)
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	255	0	3.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	401.636.029	772.538.658
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	217.877.210	588.779.839
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	183.758.819	183.758.819
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270	2.260.277.677.156	2.665.102.009.699
Chỉ tiêu nguồn vốn	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2024)	Số đầu năm (01/01/2024)
C. Nợ phải trả (300=310+330)	300	1.479.137.139.309	1.642.886.391.735
I. Nợ ngắn hạn	310	1.382.800.394.268	1.549.845.932.186
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	332.682.364.414	372.240.368.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	175.534.101.257	289.171.876.876
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.610.319.208	10.614.273.776
4. Phải trả người lao động	314	11.859.755.758	6.502.599.136
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	98.456.422.272	17.552.422.111
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	110.933.938	272.119.491
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	13.951.004.123	15.000.547.078
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	742.076.524.190	834.656.612.745
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	1.223.374.583
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.518.969.108	2.611.737.408
II. Nợ dài hạn	330	96.336.745.041	93.040.459.549
1. Phải trả người bán dài hạn	331	27.868.888.025	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	8.742.072.242	8.742.072.242
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	3.463.059	114.396.999
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	59.722.321.715	84.183.990.308
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	781.140.537.847	1.022.215.617.964
I. Vốn chủ sở hữu	410	781.140.537.847	1.022.215.617.964
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.035.198.453	2.035.198.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(85.679.712.989)	(85.679.712.989)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(57.870.538.226)	183.204.541.891
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	183.204.541.891	176.120.326.145
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(241.075.080.117)	7.084.215.746
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2024)	Số đầu năm (01/01/2024)
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	2.260.277.677.156	2.665.102.009.699

1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	426.838.420.245	658.710.628.901
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	426.838.420.245	658.710.628.901
4	Giá vốn hàng bán	11	490.093.493.044	566.554.378.728
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(63.255.072.799)	92.156.250.173
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.794.609.434	24.199.880.790
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	130.244.462.100	66.721.203.188
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	104.012.500.733	65.171.406.624
8	Chi phí bán hàng	24	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	71.905.194.323	34.915.140.859
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(242.610.119.788)	14.719.786.916
11	Thu nhập khác	31	3.128.128.814	596.851.082
12	Chi phí khác	32	1.260.163.365	1.469.295.483
13	Lợi nhuận khác	40	1.867.965.449	(872.444.401)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(240.742.154.339)	13.847.342.515
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	332.925.778	6.763.126.769
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(241.075.080.117)	7.084.215.746

1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2024:

1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2024.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(240.742.154.339)	13.847.342.515
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		21.268.445.617	21.686.225.961
- Các khoản dự phòng	03		58.398.258.804	106.374.655
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.374.905.332	1.120.621.943
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.163.531.871)	(24.128.927.107)
- Chi phí lãi vay	06		104.012.500.733	65.171.406.624
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(67.851.575.724)	77.803.044.591
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		80.199.164.265	142.902.773.151
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		133.068.409.215	(44.493.537.952)

- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(128.821.129.668)	(238.102.445.368)
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		370.902.629	1.244.678.526
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.786.812.954)	(61.028.513.212)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.575.585.450)	(579.563.502)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(92.768.300)	(301.892.638)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.489.395.987)	(122.555.456.404)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		110.226.477.233	289.379.467
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(114.887.565.065)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.179.000.000	125.474.597.805
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(6.284.410.075)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.346.300.000	2.000.660.075
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.233.039	5.614.887.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		119.770.010.272	12.207.549.718
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	752.122.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		142.059.950.434	693.673.029.987
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(260.476.728.115)	(650.869.802.441)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(118.416.777.681)	43.555.349.546
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.136.163.396)	(66.792.557.140)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.730.295.388	76.522.852.528
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		115.201	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	4.594.247.193	9.730.295.388

1.4. Các hệ số tài chính tổng hợp năm 2024:

TT	Các hệ số tài chính cơ bản	ĐVT	Giá trị
I	Hệ số nợ		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	65,44
2	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	189,36
II	Hệ số tự tài trợ		
1	Nguồn vốn dài hạn/TS dài hạn	lần	0,87
2	Nguồn vốn ngắn hạn/TS ngắn hạn	lần	1,10

III	Hệ số khả năng thanh toán		
1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,53
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	lần	0,71
3	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,91
4	Hệ số khả năng thanh toán lãi vay	lần	(1,31)
IV	Hệ số khả năng sinh lời		
1	Hệ số LNST/Tổng TS (ROA)	%	(9,79)
2	Hệ số LNST/Vốn CSH (ROE)	%	(23,58)
3	Hệ số LNST/DT	%	(56,48)
4	Hệ số LNST/Vốn ĐL	%	(26,66)

1.5- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC Hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu tại 31/12/2024
1.	Tổng Tài sản	đồng	3.180.549.452.627
2.	Vốn chủ sở hữu	đồng	731.568.815.032
3.	Doanh thu thuần	đồng	700.626.519.965
4.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	(265.801.269.275)
5.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	đồng	(254.758.707.648)
6.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	(3.110)

1.6- Ý kiến của Kiểm toán viên:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132, 136) chưa đối chiếu, xác nhận là 159,9 tỷ VND (tại ngày 31/12/2023 là 38,1 tỷ VND); số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 319) chưa được đối chiếu, xác nhận là 336,4 tỷ VND (tại ngày 31/12/2023 là 258,1 tỷ VND). Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty hay không.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa cung cấp được Báo cáo tài chính khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO Hồ Xuân với giá trị đầu tư là 30.820.000.000 VND. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng cần phải trích lập theo quy định. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các số liệu cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty hay không.

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát, quyết toán các chi phí dở dang của công trình xây lắp. Tuy nhiên, còn một số công trình Tổng Công ty chưa thực hiện quyết toán với số tiền là 34.019.317.973 VND. Với các tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính hợp lý và khả năng thu hồi của khoản chi phí này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này hay không, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền

tệp tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

- Tại Thuyết minh 5.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE 61.579.748.640 VND.
- Tại Thuyết minh 7.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.
- Tại Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Tại ngày 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 130.146.177.780 VND; số dư nợ gốc và lãi vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 73.161.876.928 VND và 3.817.137.097 VND. Trong năm 2024, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty âm 241.075.080.117 VND; đồng thời tại ngày 31/12/2024 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế âm 57.870.538.226 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Tổng Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo Nghị quyết số 19 NQ/VNECO-HĐQT ngày 05/8/2024 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam về việc chọn đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Trên đây là Báo cáo tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
NGUYỄN ANH TUẤN

TỜ TRÌNH

Phương án Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty năm 2024, số liệu đã được Ban Kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra và Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết họp HĐQT Tổng Cty CP XD Điện Việt Nam ngày 30/10/2025;

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần XD Điện Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
I.	Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2024		
1	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	đồng	183.204.541.891
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2024	đồng	(241.075.080.117)
3	Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	đồng	85.679.712.989
4	Tổng lợi nhuận còn lại (I.4=I.1+I.2-I.3)	đồng	(143.550.251.215)
5	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 (I.5=I.5.1)		-
5.1	Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2024)	đồng	-
6.	Tổng lợi nhuận còn lại trên BCTC Tổng hợp sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2024 (I.6=I.4-I.5)	đồng	(143.550.251.215)
II.	Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024		
1.	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	đồng	125.736.479.681
2.	Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2024	đồng	(254.758.707.648)
3.	Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	đồng	85.679.712.989
4.	Tổng lợi nhuận còn lại (II.4=II.1+II.2-II.3)	đồng	(214.701.940.956)
5.	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 (II.5=II.5.1)		-

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
5.1	Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2024)	đồng	-
6.	Tổng lợi nhuận trên BCTC Hợp nhất còn lại sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2024 (II.6=II.4-II.5)	đồng	(214.701.940.956)
III.	Tổng lợi nhuận sau thuế khả dụng còn lại của VNECO (theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014)	đồng	(214.701.940.956)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN

Số: TTr/VNECO-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Báo cáo các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP XD điện Việt Nam

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại thời điểm 31/12/2023, số liệu đã được Ban Kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra và Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty năm 2023, cụ thể:

1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2023

1.1. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023:

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100	1.481.406.054.685	1.618.746.914.203
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9.730.295.388	76.522.852.528
1. Tiền	111	9.730.295.388	64.082.852.528
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	12.440.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.000.000	25.926.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.000.000	25.926.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	979.131.486.815	1.063.811.167.178
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	561.600.498.719	623.812.268.024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	112.034.480.101	182.837.645.501
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	166.990.000.000	131.652.032.740
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	149.996.507.995	136.999.220.913
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(11.490.000.000)	(11.490.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	397.665.722.674	354.123.319.117
1. Hàng tồn kho	141	397.665.722.674	354.123.319.117
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	94.877.549.808	98.363.575.380
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	0	89.516.942
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	94.877.549.808	98.254.910.156
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	0	19.148.282
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200	1.183.695.955.014	1.222.672.789.588
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.681.910.492	3.348.005.261
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211	1.651.910.492	3.318.005.261
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
3. Phải thu dài hạn khác	216	30.000.000	30.000.000
II. Tài sản cố định	220	238.401.582.795	260.087.808.756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	207.827.265.915	229.105.565.920
- Nguyên giá	222	341.924.766.889	344.528.993.922
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(134.097.500.974)	(115.423.428.002)

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
2. Tài sản cố định vô hình	227	30.574.316.880	30.982.242.836
- Nguyên giá	228	35.236.666.848	35.236.666.848
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(4.662.349.968)	(4.254.424.012)
3. Bất động sản đầu tư	230	222.760.124.834	222.760.124.834
- Nguyên giá	231	222.760.124.834	222.760.124.834
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	157.123.993.638	155.770.721.243
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	79.873.851.629	78.922.717.234
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	77.250.142.009	76.848.004.009
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	562.955.804.597	578.778.429.252
1. Đầu tư vào công ty con	251	531.023.464.792	527.443.464.792
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.703.750.000	4.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	30.823.808.160	30.823.808.160
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(6.775.218.355)	(6.668.843.700)
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	255	3.180.000.000	23.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	772.538.658	1.927.700.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	588.779.839	1.743.941.423
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	183.758.819	183.758.819
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270	2.665.102.009.699	2.841.419.703.791
Chỉ tiêu nguồn vốn	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
C. Nợ phải trả (300=310+330)	300	1.642.886.391.735	1.826.718.230.935
I. Nợ ngắn hạn	310	1.549.845.932.186	1.607.456.785.202
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	372.240.368.982	397.355.237.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	289.171.876.876	331.767.867.992
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.614.273.776	4.251.452.587
4. Phải trả người lao động	314	6.502.599.136	4.597.690.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17.552.422.111	28.328.994.697
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	272.119.491	431.548.252
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15.000.547.078	3.251.143.365
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	834.656.612.745	833.939.631.597
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	1.223.374.583	1.223.374.583
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.611.737.408	2.309.844.770
II. Nợ dài hạn	330	93.040.459.549	219.261.445.733
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	168.035.113.089
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	8.742.072.242	8.742.072.242
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	114.396.999	386.516.492
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	84.183.990.308	42.097.743.910
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	1.022.215.617.964	1.014.701.472.856
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.022.215.617.964	1.014.701.472.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.035.198.453	2.522.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(85.679.712.989)	(86.919.236.536)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	183.204.541.891	176.442.518.783

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	176.120.326.145	169.998.666.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	7.084.215.746	6.443.852.759
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	2.665.102.009.699	2.841.419.703.791

1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	658.710.628.901	1.260.415.005.413
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	658.710.628.901	1.260.415.005.413
4	Giá vốn hàng bán	11	566.554.378.728	1.212.002.748.903
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	92.156.250.173	48.412.256.510
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24.199.880.790	19.972.495.834
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	66.721.203.188	59.589.145.259
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	65.171.406.624	49.698.838.547
8	Chi phí bán hàng	24	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34.915.140.859	(5.831.981.239)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	14.719.786.916	14.627.588.324
11	Thu nhập khác	31	596.851.082	342.489.449
12	Chi phí khác	32	1.469.295.483	2.314.740.476
13	Lợi nhuận khác	40	(872.444.401)	(1.972.251.027)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.847.342.515	12.655.337.297
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.763.126.769	6.211.484.538
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7.084.215.746	6.443.852.759

1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2023:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	748.748.689.728	1.405.455.789.681
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2	(736.563.568.602)	(1.684.031.799.415)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(20.048.456.610)	(27.561.954.321)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(61.028.513.212)	(47.975.907.643)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(579.563.502)	(7.747.826.339)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	17.317.535.797	193.280.657.304
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(70.401.580.003)	(113.833.527.115)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD</i>	<i>20</i>	<i>(122.555.456.404)</i>	<i>(282.414.567.848)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(5.262.137.140)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	289.379.467	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(114.887.565.065)	(207.504.150.489)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	125.474.597.805	175.597.663.497
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.284.410.075)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.660.075	5.853.350.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.614.887.511	2.490.366.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.207.549.718	(29.724.907.543)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	752.122.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	693.673.029.987	1.582.966.788.086
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(650.869.802.441)	(1.232.263.840.718)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.826.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.555.349.546	350.699.120.718
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(66.792.557.140)	38.559.645.327
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	76.522.852.528	37.963.211.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.213)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	9.730.295.388	76.522.852.528

1.4. Các hệ số tài chính tổng hợp năm 2023:

TT	Các hệ số tài chính cơ bản	ĐVT	Giá trị
I	Hệ số nợ		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	61,64
2	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	160,72
II	Hệ số tự tài trợ		
1	Nguồn vốn dài hạn/TS dài hạn	lần	0,94
2	Nguồn vốn ngắn hạn/TS ngắn hạn	lần	1,05
III	Hệ số khả năng thanh toán		
1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,62
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	lần	0,70
3	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,90
4	Hệ số khả năng thanh toán lãi vay	lần	1,21
IV	Hệ số khả năng sinh lời		
1	Hệ số LNST/Tổng TS (ROA)	%	0,26
2	Hệ số LNST/Vốn CSH (ROE)	%	0,70
3	Hệ số LNST/DT	%	1,08
4	Hệ số LNST/Vốn ĐL	%	0,78

1.5- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC Hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu tại 31/12/2023
1.	Tổng Tài sản	đồng	3.754.362.024.949
2.	Vốn chủ sở hữu	đồng	1.006.585.648.599
3.	Doanh thu thuần	đồng	1.057.690.626.924
4.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	(28.540.034.583)
5.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	đồng	(18.116.424.842)
6.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	(221)

1.6- Ý kiến của Kiểm toán viên:**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm 31/12/2023, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132) chưa đối chiếu, xác nhận là 38,1 tỷ VND; số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 320) chưa được đối chiếu, xác nhận là 258,1 tỷ VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.2 và Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán các khoản đầu tư tài chính của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 và Công ty Cổ phần VNECO - RME được lập trên cơ sở giá trị hợp lý do Ban lãnh đạo Tổng Công ty tự xác định. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến đối với các khoản đầu tư này, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hồi Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE 61.579.748.640 VND.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 7.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 68.439.877.501 VND. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 122.555.456.404 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán số 254/2023/BCKT-E.AFA ngày 01/4/2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trên đây là Báo cáo tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN

TỜ TRÌNH

Phương án Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty năm 2023, số liệu đã được Ban Kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra và Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết hợp HĐQT Tổng Cty CP XD Điện Việt Nam ngày .../.../2024;

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần XD Điện Việt Nam trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
I.	Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2023		
1	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	đồng	176.120.326.145
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2023	đồng	7.084.215.746
3	Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	đồng	85.679.712.989
4	Tổng lợi nhuận còn lại (I.4=I.1+I.2-I.3)	đồng	97.524.828.902
5	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 (I.5=I.5.1)		354.210.787
5.1	Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2023)	đồng	354.210.787
6.	Tổng lợi nhuận còn lại trên BCTC Tổng hợp sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2023 (I.6=I.4-I.5)	đồng	97.170.618.115
II.	Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023		
1.	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	đồng	142.659.724.568
2.	Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2023	đồng	(18.116.424.842)
3.	Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	đồng	85.679.712.989
4.	Tổng lợi nhuận còn lại (II.4=II.1+II.2-II.3)	đồng	38.863.586.737
5.	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2023 (II.5=II.5.1)		354.210.787

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
5.1	Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2023)	đồng	354.210.787
6.	Tổng lợi nhuận trên BCTC Hợp nhất còn lại sau khi phân phối các quỹ và chia cổ tức năm 2023 (II.6=II.4-II.5)	đồng	38.509.375.950
III.	Tổng lợi nhuận sau thuế khả dụng còn lại của VNECO (theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014)	đồng	38.509.375.950

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Số: TTr/VNECO-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam

Căn cứ danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024 - 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về các nội dung, như sau:

1. Phê duyệt: Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT mà Hội đồng quản trị VNECO đã lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của VNECO;

2. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một (01) tổ chức có đầy đủ năng lực, uy tín và kinh nghiệm, có cấp phép hoạt động hành nghề hợp pháp và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng niêm yết năm 2025 để thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)**

NGUYỄN THỊ THANH HÀ

TỜ TRÌNH

Về việc Bổ sung, sửa đổi Điều lệ

Kính gửi: ĐHĐCĐ Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến quản trị công ty;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam;

Để phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan đến Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng Khoán và Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua:

1. Bổ sung sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, như sau:

1.1. Sửa đổi Khoản 3 Điều 2 Điều Lệ Tổng Công ty:

- Điều lệ hiện hành: “Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng”;

- Sau khi bổ sung, sửa đổi: “Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam”.

1.2. Ủy quyền HĐQT phê duyệt và quyết định bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh tại Khoản 2 Điều 3 Điều lệ VNECO để đảm bảo phù hợp kế hoạch kinh doanh, định hướng hoạt động VNECO trong thời gian tới và phù hợp với các quy định của pháp luật;

2. Ủy quyền HĐQT phê duyệt và quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; Ủy quyền Ban Kiểm soát phê duyệt và quyết định ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Trên đây là nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế liên quan, HĐQT Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên,

- Lưu VNECO

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Số: TTtr/VNECO-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030

:

Kính gửi: ĐHĐCĐ Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Theo quy định tại Điều 26, Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và quy định tại Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

- Số thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Số lượng thành viên của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Căn cứ quy mô, lĩnh vực hoạt động, đặc điểm tình hình tổ chức, quản lý và định hướng phát triển Tổng Công ty năm 2026 và các năm sau, Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ 2020-2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 là: **05 (năm)** thành viên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VNECO

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn

THÔNG BÁO

V/v ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị,
Kiểm soát viên, nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO);

ĐHĐCĐ họp thường niên năm 2025 sẽ tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát VNECO, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Hội đồng quản trị kính thông báo tới Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030, như sau:

I. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (dự kiến): 05 thành viên.

2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 03 thành viên.

II. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Ứng viên được đề cử vào HĐQT phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 26 Điều lệ VNECO và Khoản 2 Điều 8 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

1.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không quá 5 Công ty khác.

1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập HĐQT:

a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

2. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

(Theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Điều lệ VNECO và Khoản 3 Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Điều lệ Tổng Công ty quy định), Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

III. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát:

1. Tiêu chuẩn của các ứng viên được đề cử vào Ban kiểm soát:

(Theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020, Khoản 2 Điều 35 Điều lệ VNECO và Khoản 2 Điều 13 Quy chế quản trị nội bộ Công ty)

* Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;

e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng Công ty;

f. Không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty.
- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Điều kiện đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:

(Theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Tổng Công ty quy định tại Khoản 2 Điều 13 Quy chế quản trị nội bộ Công ty)

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

IV. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS bao gồm:

1. Đơn xin đề cử hoặc ứng cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu đính kèm);
2. Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm);
3. CMND, Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

Quý vị cổ đông có thể download các mẫu tài liệu trên website của Tổng Công ty: <http://www.vneco.com.vn>

Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn đề cử hoặc ứng cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu 01A, 01B);
- Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu);
- Bản sao CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu

Quý Cổ đông lưu ý: Người tự ứng cử, đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực nội dung hồ sơ tự ứng cử, đề cử của mình.

V. Thời hạn và địa chỉ gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ đề cử, ứng cử đề nghị Quý cổ đông gửi về Tổng Công ty trước 16h00 ngày 04/12/2025 (tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ sau:

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, số 344 Phan Châu Trinh, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;

Điện thoại: 0236.3562361, Fax: 0236.3562367, Email: tue.nv@vneco.com.vn

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VNECO

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Anh Tuấn

Mẫu 01A: Thư đề cử thành viên HĐQT/BKS (dùng cho Cổ đông đơn lẻ)

THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Tôi/Chúng tôi là:....., Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/CCCD/CC/Hộ chiếu số: ngày....., nơi cấp: , hiện là Cổ đông đang sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“**Công ty**”), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Tôi/Chúng tôi trân trọng đề cử Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên để bầu vào vị trí thành viên (Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm soát) Công ty, nhiệm kỳ 2025-2030 (sau đây gọi tắt là “**Ứng Viên**”):

STT	Họ và tên ứng viên	Ngày tháng năm sinh	Số Giấy CNĐKDN/CC/CCCD/Hộ chiếu	Ngày cấp/Cơ quan cấp	Địa chỉ liên lạc (chỗ ở, nơi cư trú)
1.					
2.					
...					

Tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của Ứng Viên và các tài liệu kèm theo.
Trân trọng!

....., ngày..... Tháng năm 2025
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**THƯ ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi là nhóm Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Công ty”), chi tiết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số Giấy CNĐKDN/ CCCD/Hộ chiếu	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.				 %
2.				 %
....				 %
TỔNG				 %

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Ban Kiểm soát(BKS) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Chúng tôi thống nhất cùng đề cử Ông/Bà có tên sau đây để bầu vào vị trí thành viên (HĐQT/BKS) Công ty, nhiệm kỳ 2025-2030 (sau đây gọi là “**Ứng Viên**”):

STT	Họ và tên ứng viên	Ngày tháng năm sinh	Số Giấy CNĐKDN/CC/ CCCD/Hộ chiếu	Ngày cấp/Cơ quan cấp	Địa chỉ liên lạc (chỗ ở, nơi cư trú)
1.					
2.					
...					

Chúng tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của Ứng Viên và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng!

....., ngàytháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Chữ ký (đối với Cổ đông là cá nhân)/ Chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu có) đối với Cổ đông là tổ chức
1		
2		
...		

Mẫu 02: Sơ yếu lý lịch ứng viên HĐQT/BKS

**SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT**

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Giới tính:
- Quốc tịch:
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày: ... tại:
- Địa chỉ thường trú:
- Nơi ở hiện tại:
- Mobile:
- Email:

Ảnh
(ảnh 4x6, chụp trong
vòng 06 tháng gần
đây)

2. Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức

Khen thưởng, kỷ luật (nếu có):

.....

4. Quan hệ gia đình:

(Kê khai các mối quan hệ gia đình: Cha ruột, Cha nuôi, Mẹ ruột, Mẹ nuôi, Vợ/Chồng, Anh/Chị/Em ruột, Con ruột, Con nuôi).

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc

5. Số lượng cổ phần nắm giữ tại Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam:

6. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực, hợp lý và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên.....(HĐQT/BKS), tôi xin cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty.

....., ngày.....tháng.....năm 2025

Ứng cử viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

TỜ TRÌNH
Về mức thù lao của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về mức thù lao đối với Thành viên HĐQT năm 2023-2024 và năm 2025 như sau:

1. Năm 2023, Hội đồng quản trị là 05 thành viên; Ban kiểm soát là 03 thành viên. Mức lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát như sau:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, năm 2023, Tổng Công ty đã chi trả tiền lương và thù lao đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Tổng số tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 là 2.080.813.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương của Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch (chuyên trách) và thù lao thành viên HĐQT là: 1.606.000.000 đồng;
- Tiền lương Trưởng ban kiểm soát, thù lao của Ban kiểm soát là: 372.000.000 đồng;

2. Năm 2024, Hội đồng quản trị là 05 thành viên; Ban kiểm soát là 03 thành viên. Mức lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, đã tạm ứng, như sau:

Số tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 (đã tạm ứng) là: 1.027.500.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương của Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch (chuyên trách) và thù lao thành viên HĐQT là: 846.000.000 đồng;
- Tiền lương Trưởng ban kiểm soát, thù lao của Ban kiểm soát là: 181.500.000 đồng;

3. Năm 2025, Hội đồng quản trị (dự kiến): 05 thành viên; Ban kiểm soát là 03 thành viên. HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt mức lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2024 - 2025, như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách:	70.000.000 đồng/tháng
- Tiền lương Phó Chủ tịch HĐQT:	40.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao Thành viên HĐQT:	7.000.000 đồng/người/tháng
- Mức lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:	25.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát:	4.000.000 đồng/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)
NGUYỄN ANH TUẤN

**Dự thảo: NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam;
Căn cứ Biên bản cuộc họp thường niên năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam ngày 08/12/2025;
Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam đã nhất trí thông qua:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua: “Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, Báo cáo tài chính năm 2023 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023” với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

- Tổng doanh thu và thu nhập: 683,505 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 13,847 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 7,084 tỷ đồng.

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán.

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

Các chỉ tiêu BCTCTổng hợp năm 2023	Giá trị (đ)	Các chỉ tiêu BCTC Hợp nhất năm 2023	Giá trị (đ)
1	2	3	4
1. Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	176.120.326.145	1. Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	142.659.724.568
2. Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2023	7.084.215.746	2. Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2022	(18.116.424.842)
3. Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	85.679.712.989	3. Lợi nhuận đã sử dụng mua CP quỹ	85.679.712.989
4. Tổng lợi nhuận còn lại (4=1+ 2- 3)	97.524.828.902	4. Tổng lợi nhuận còn lại (4=1+2-3)	38.863.586.737
5. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2023 (5= 5.1+ 5.2)	354.210.787	5. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2023 (5=5.1+5.2)	354.210.787
5.1. Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2023)	354.210.787	5.1. Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2023)	354.210.787

Các chỉ tiêu BCTCTổng hợp năm 2023	Giá trị (đ)	Các chỉ tiêu BCTC Hợp nhất năm 2023	Giá trị (đ)
1	2	3	4
5.2 Chia cổ tức năm 2023	0	5.2 Chia cổ tức năm 2022	0
6. Tổng lợi nhuận còn lại trên BCTC Tổng hợp sau khi phân phối các quỹ năm 2023 (6=4-5)	97.170.618.115	6. Tổng lợi nhuận trên BCTC Hợp nhất còn lại sau khi phân phối các quỹ năm 2023 (6=4-5)	38.509.375.950

Điều 2. Thông qua: “Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2024, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024” với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tổng doanh thu và thu nhập: 452,76 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (240,61) tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: (241,07) tỷ đồng

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Tổng doanh thu và thu nhập: 455,226 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 60,499 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 57,391 tỷ đồng

3. Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT mà Hội đồng quản trị VNECO đã lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của VNECO.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán 1.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, như sau:

Các chỉ tiêu BCTCTổng hợp năm 2024	Giá trị (đ)	Các chỉ tiêu BCTC Hợp nhất năm 2024	Giá trị (đ)
1	2	3	4
1. Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	183.204.541.891	1. Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối	125.736.479.681
2. Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2024	(241.075.080.117)	2. Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2024	(254.758.707.648)
3. Lợi nhuận đã sử dụng mua cổ phiếu quỹ	85.679.712.989	3. Lợi nhuận đã sử dụng mua CP quỹ	85.679.712.989
4. Tổng lợi nhuận còn lại (4=1+ 2- 3)	(143.550.251.215)	4. Tổng lợi nhuận còn lại (4=1+2-3)	(214.701.940.956)
5. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 (5= 5.1+ 5.2)	-	5. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 (5=5.1+5.2)	-
5.1. Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2024)	-	5.1. Trích Quỹ Phúc lợi tập thể (5% LN sau thuế BCTC Tổng hợp năm 2024)	-

Các chỉ tiêu BCTCTổng hợp năm 2024	Giá trị (đ)	Các chỉ tiêu BCTC Hợp nhất năm 2024	Giá trị (đ)
1	2	3	4
5.2 Chia cổ tức năm 2024	-	5.2 Chia cổ tức năm 2024	-
6. Tổng lợi nhuận còn lại trên BCTC Tổng hợp sau khi phân phối các quỹ năm 2024 (6=4-5)	(143.550.251.215)	6. Tổng lợi nhuận trên BCTC Hợp nhất còn lại sau khi phân phối các quỹ năm 2024 (6=4-5)	(214.701.940.956)

Điều 3. Thông qua: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty năm 2023-2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT Tổng Công ty; Báo cáo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty năm 2023 - 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025;

Điều 4. Phê duyệt về việc lựa chọn Công ty kiểm toán:

Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị VNECO căn cứ vào Danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để lựa chọn một (01) tổ chức thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Điều 5. Phê duyệt nội dung Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam: “Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam” và:

- Ủy quyền HĐQT phê duyệt và quyết định bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh tại Khoản 2 Điều 3 Điều lệ VNECO để đảm bảo phù hợp kế hoạch kinh doanh, định hướng hoạt động VNECO trong thời gian tới và phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Ủy quyền HĐQT phê duyệt và quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; Ủy quyền Ban Kiểm soát phê duyệt và quyết định ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 6. Thông qua mức lương, thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tiểu ban thư ký năm 2024-2025, như sau:

- Mức lương Chủ tịch HĐQT: triệu đồng/tháng
- Mức lương Phó Chủ tịch HĐQT: triệu đồng/người/tháng
- Mức thù lao thành viên HĐQT: triệu đồng/người/tháng
- Mức lương TBKS chuyên trách: triệu đồng/tháng
- Mức thù lao cho thành viên BKS: triệu đồng/người/tháng
- Thù lao Tiểu Ban thư ký: triệu đồng/tháng

- Mức thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2025: Căn cứ kết quả kinh doanh, hiệu quả công tác năm 2025 Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

Điều 7. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030, như sau:

1) Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030: 05 (Năm) thành viên;

2) Thông qua Danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030, gồm các ông bà có tên sau đây (xếp theo thứ tự Alphabet):

2.1) Danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

...

2.2) Danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030:

- 1.
- 2.
- 3.

...

3) Thông qua Danh sách trúng cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030, như sau:

3.1) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 (xếp theo thứ tự Alphabet), gồm các ông có tên sau:

- 1) ...
- 2) ...
- 3) ...
- 4) ...
- 5) ...

3.2) Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 (xếp theo thứ tự Alphabet), gồm các ông bà có tên sau:

- 1) ...
- 2) ...
- 3) ...

Điều 8. Điều khoản thi hành.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- UBCKNN, HoSE;
- HĐQT, Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VNECO.

**T/M ĐHĐCĐ TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CHỦ TỌA/CHỦ TỊCH HĐQT**